TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

KHOA THÔNG TIN, THƯ VIỆN

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

"HỌC LIỆU MỞ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI"

Giảng viên hướng dẫn:	ThS Ngô Văn Tháp
Sinh viên thực hiện:	Vũ Đình Nghĩa Ngô Châu Anh Lê Vũ Diệu Anh
Lớp:	Quản lý thông tin 10A Thư viện 53
Số điện thoại:	0395117863 0931885479 0396799682
Email:	vudinhnghia2907@gmail.com littlechanhchanh1234@gmail.com dieu08927@gmail.com
Đơn vị:	Khoa Thông tin - Thư viện

HÀ NỘI 2023

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian tiến hành khảo sát, nghiên cứu, phân tích và đánh giá các vấn đề xoay quanh về học liệu mở, được sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô, bạn bè tại Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn … chúng em đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học mang tên: "Học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội".

Trước hết, chúng em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS Nguyễn Văn Thiên, trưởng khoa Thông tin, Thư viện đã góp ý xây dựng đề cương, giảng viên ThS Ngô Văn Tháp, người đã tận tình hướng dẫn chúng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Bên cạnh đó, chúng em xin cảm ơn và tất cả các thầy cô trong khoa Thông tin, Thư viện đã hỗ trợ, góp ý và cung cấp tài liệu cho chúng em trong quá trình nghiên cứu. Chúng em xin cảm ơn các thầy cô Trung tâm Thông tin, Thư viện ĐHVH Hà Nội; các thầy cô Trung tâm Thông, Thư viện Tạ Quang Bửu đã nhiệt tình cung cấp thông tin, tài liệu, giải đáp các thắc mắc, tạo điều kiện để chúng em hoàn thành bài báo cáo kết quả nghiên cứu. Và cuối cùng, chúng em xin cảm ơn Hội đồng xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa sinh viên năm 2022-2023 đã có những nhận xét, góp ý để chúng em sửa chữa, hoàn thiện đề tài nghiên cứu một lần nữa. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song bài nghiên cứu của chúng em vẫn còn nhiều thiếu sót, chúng em rất mong nhận được sự quan tâm và góp ý chân thành từ thầy cô và các bạn để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn. Chúng em xin chân thành cảm ơn!

tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của giấy phép Creative Commons Ghi công 4.0 Quốc tế.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

NQ/TW: Nghị quyết trung ương

CMCN 4.0: Cách mạng công nghiệp 4.0

UNESCO: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc

CC: Creative Commons

GDP: Gross Domestic Product

QĐ-TTg: Quyết định Thủ tướng Chỉnh phủ

AACR2: Quy tắc biên mục Anh Mỹ - AACR2

RDA: Resource Description and Access

MIT: Massachusetts Institute of Technology

OE: Open Education

OER: Open Educational Resources

OCW: Open Course Ware

OA: Open Access

OP: Open Policy

Dubline Core: Khổ mẫu biên mục Dubline Core

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN 1

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 2

MỞ ĐẦU 5

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỌC LIỆU MỞ 11

1.1 Khái niệm 11

1.1.1 Nguồn mở 11

1.1.2 Giáo dục mở 12

1.1.3 Học liệu mở 13

1.1.4 Bản quyền và giấy phép tài liệu 15

1.1.5 Học liệu số 20

1.2 Lịch sử phát triển của học liệu mở 20

1.3 Các yếu tố thúc đẩy phát triển học liệu mở 24

1.3.1 Tác động của sự bùng nổ thông tin toàn cầu 24

1.3.2 Ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 26

1.3.3 Bối cảnh xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức 29

1.4 Vai trò của học liệu mở đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay 32

1.4.1 Trong bối cảnh chuyển đổi số 32

1.4.2 Trong bối cảnh chuyển đổi giáo dục 34

1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển học liệu mở 36

1.5.1 Nhận thức xã hội về học liệu mở 36

1.5.2 Chính sách về học liệu mở 36

1.5.3 Ứng dụng công nghệ 37

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HỌC LIỆU MỞ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI 38

2.1 Thực trạng thu thập học liệu mở tại các trường Đại học 38

2.1.1 Nhân lực thực hiện công tác thu thập học liệu mở 38

2.1.2 Chính sách thu thập học liệu mở 39

2.1.3 Phương pháp thu thập học liệu mở 40

2.2 Thực trạng xử lý, tổ chức học liệu mở tại các trường Đại học 41

2.2.1 Nhân lực thực hiện quá trình xử lý, tổ chức học liệu mở 41

2.2.2 Phương tiện, kỹ thuật xử lý, tổ chức học liệu mở 42

2.3 Thực trạng phổ biến học liệu mở tại các trường Đại học 42

2.3.1 Nhân lực thực hiện phổ biến học liệu mở 42

2.3.2 Chính sách phổ biến học liệu mở 42

2.3.3 Các phương tiện phổ biến học liệu mở 43

2.4 Đánh giá 46

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU MỞ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC 50

3.1 Căn cứ đề xuất giải pháp 50

3.1.1 Kết quả nghiên cứu chương 1 50

3.1.2 Kết quả nghiên cứu chương 2 50

3.2 Giải pháp con người 52

3.2.1 Thông tin phục vụ lãnh đạo 52

3.2.2 Năng lực của cán bộ thông tin – thư viện 52

3.2.3 Năng lực sử dụng học liệu mở của người dạy và người học 53

3.3 Giải pháp về công nghệ 54

3.3.1 Giải pháp phần mềm quản trị học liệu mở 54

3.3.2 Các giải pháp công nghệ tạo lập học liệu mở 57

3.4 Giải pháp hợp tác, liên kết, chia sẻ giữa các trường Đại học 59

3.5 Đề xuất phát triển học liệu mở tại khối các trường đại học trên địa bàn Hà Nội 62

KẾT LUẬN 65

TÀI LIỆU THAM KHẢO 66

PHỤ LỤC 68

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sự phát triển lớn mạnh của khoa học kỹ thuật trong những thập nhiên gần đây ngày càng khẳng định được tầm quan trọng của nó đối với đời sống và phát triển kinh tế của các quốc gia. Cùng với đó sự phát triển của công nghệ 4.0 xoay quanh: nền tảng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và Internet kết nối vạn vật đã tác động đến hầu hết các lĩnh vực. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay vấn đề bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ gây ra nhiều khó khăn, rào cản. Học liệu mở ra đời giải quyết vấn đề trên, tạo thuận lợi cho công cuộc chuyển đổi số và cải cách giáo dục trên thế giới.

Giáo dục mở (Open Educational Resources) đang là xu hướng giáo dục tiên tiến được nhiều trường đại học nổi tiếng trên thế giới áp dụng như đại học Oxford của Anh, đại học Harvard của Mỹ, đại học quốc gia Singapore, ... Trên thế giới thuật ngữ này đã xuất hiện vào những năm 70 của thế kỷ trước khởi phát từ nước Anh, mô hình này nhanh chóng được áp dụng tại nhiều nước có nền giáo dục phát triển hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Hà Lan, Úc ... Thời điểm đó nhiều nhà nghiên cứu cảm thấy sự hạn chế của giáo dục truyền thống, muốn thay đổi để mọi người dễ dàng tiếp cận tới các nguồn học liệu để phục vụ cho sự giảng dạy. Các trường đại học trên thế giới đã cùng tham gia, cung cấp và chia sẻ nguồn tài liệu học tập giúp những người không có điều kiện (tài chính, thời gian, không gian) có thể truy cập và sử dụng; tạo ra sự bình đẳng trong giáo dục đối với tất cả mọi người. Tính mở với những phương diện chủ yếu: mở về đối tượng, mở về địa điểm, mở về phương pháp và mở về ý tưởng; những phương diện mở này sẽ giúp cho nền giáo dục phát triển theo hướng đào tạo năng lực. Học liệu mở - nguồn lực quan trọng góp phần lớn trong sự phát triển của giáo dục mở.

Theo nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương VIII khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định quan điểm chỉ đạo: “Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại

hóa giáo dục và đào tạo" cho thấy Việt Nam đang trong quá trình nhận thức và đổi mới giáo dục theo xu hướng hiện đại. Sự chủ động và lấy người học làm trung tâm là giải pháp hàng đầu thay đổi mô hình giáo dục từ theo cách truyền thống sang hiện đại. "Học tích cực, chủ động nghiên cứu mọi lúc mọi nơi" là phương pháp được nhiều trường đại học khuyến khích sinh viên học tập. Thuật ngữ học liệu mở vẫn còn mới, nhỏ lẻ bởi nguồn tài liệu hạn chế và quy mô tiếp cận sử dụng chưa được rộng rãi. Chính vì thế, các trường Đại học trong nước cần tích cực chủ động trong việc phát triển và xây dựng kho tài nguyên chung tạo nên sự đa dạng và phong phú của học liệu mở trong các trường Đại học, góp phần hình thành hệ sinh thái học liệu mở Việt Nam của người Việt dành cho người Việt.

Thành phố Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – trung tâm văn hóa và trái tim của quốc gia. Nơi tập trung của các trường Đại học lớn, hàng đầu cả nước. Cùng với đó sự cải cách của nền giáo dục Việt Nam từ giáo dục truyền thống sang giáo dục mở đào tạo theo năng lực, tạo ra sự bình đẳng trong giáo dục đối với tất cả mọi người. Đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay học liệu mở trở thành một yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển đổi giáo dục Việt Nam sang nền giáo dục tiên tiến và hiện đại nhằm đào tạo ra những công dân số, trí thức số. Chính vì thế nhóm nghiên cứu quyết định lựa chọn đề tài: "Học liệu mở tại các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội"

2. Tình hình nghiên cứu

Song hành cùng xu thế phát triển của thời đại, học liệu mở đang là một trong những đề tài được quan tâm hiện nay. Tuy nhiên, việc nghiên cứu học liệu mở thường gắn liền với nhiều vấn đề trong đó có vấn đề bản quyền, giấy phép, nguồn học liệu mang tính đặc thù, rào cản liên quan đến việc chia sẻ và sử dụng chung tài liệu,...

Theo phạm vi nghiên cứu của đề tài, đã có một số công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học liên quan:

Ngày 29/12/2015, tại Hà Nội, Khoa Thông tin-Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (thuộc Đại học quốc gia Hà Nội), Trung tâm nghiên cứu và phát triển Quốc gia về công nghệ mở (thuộc bộ Khoa học và Công nghệ), tổ chức

giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) và câu lạc bộ Phần mềm Tự do Nguồn mở Việt Nam (VFISSA) đồng phối hợp tổ chức hội thảo và Học liệu mở (Open Education Resources-OER) cho các trường đại học với chủ đề: "Xây dựng nền tảng học liệu mở cho giáo dục Việt Nam: đề xuất chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ" [1]. Hội thảo đã được đưa ra những giải pháp là cần xây dựng chính sách về học liệu mở, các trường đại học cần chủ động hợp tác và tham gia vào xây dựng phát triển mô hình học liệu mở, nâng cao hiểu biết về học liệu mở cho giảng viên và sinh viên, truyền thông về học liệu mở. Những giải pháp này mới chỉ dừng ở mức độ truyền thông và định hình đường hướng phát triển của học liệu mở.

Hội thảo "Xây dựng học liệu mở nội sinh dùng chung trong các thư viện đại học Việt Nam" ngày 30/10/2017 tại trường Đại học Quang Trung phối hợp với Liên chi hội Thư viện đại học khu vực phía Bắc (NALA) [2]. Hội thảo với sự tham của lãnh đạo của các tổ chức Trung tâm thông tin - Thư viện trong nước, gần 80 đại biểu từ các Trung tâm Thông tin – Thư viện của các Trường đại học. Các tham luận của các chuyên gia tập trung việc xây dựng, kết nối và chia sẻ rộng rãi nguồn học liệu số nội sinh giữa thư viện các trường Đại học. Hội thảo cũng đã chứng kiến đại diện của 28 thư viện học viên, trường đại học cùng ký vào Bản ghi nhớ tham gia xây dựng học liệu nội sinh dùng chung.

Công trình "*Học liệu mở và vai trò của học liệu mở trong đào tạo ngành thông tin-thư viện tại các trường Đại học ở Việt Nam*" của Trương Minh Hòa [3]. Trong công trình này tác giả đã phân tích thực trạng học liệu mở ở các trường đại học Việt Nam và vai trò của học liệu mở trong đào tạo ngành thông tin – thư viện. Tác giả đã đề xuất các giải pháp từ hai bên chính chủ yếu là đối với nhà nước và đối với các trường đại học.

- Đối với nhà nước: Có chính sách và pháp lý rõ ràng khuyến khích phát triển và xây dựng các dự án học liệu mở; khuyến khích các trường đại học, tổ chức giáo dục tích cực phối hợp với đội ngũ giảng viên tham gia các dự án và biên soạn nguồn học liệu mở; hỗ trợ các vấn đề liên quan đến pháp lý; thường xuyên tổ chức các hội

nghị, hội thảo có sự tham gia của cộng đồng quốc tế về xây dựng chính sách học liệu mở cũng như chia sẻ kinh nghiệm và bắt kịp xu hướng.

- Đối với các trường đại học: Thay đổi tư duy định hướng trong việc xây dựng và phát triển học liệu mở trở thành một trong những nguồn lực giáo dục mở quan trọng; đa dạng hóa các loại hình và chương trình đào tạo; đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học trong cùng hệ thống; tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc gia cùng thảo luận thành lập Hiệp hội học liệu mở Việt Nam (Viet Nam OCW Consortium).

Công trình "*Học liệu mở và hướng phát triển tài nguyên số tại các thư viện đại học Việt Nam"* của Nguyễn Huy Chương [4]. Tác giả đã đề cập vấn đề học liệu mở, truy cập mở và những lợi ích đối với công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Từ đó đề xuất hướng phát triển tài nguyên số tại các thư viện điện tử tại các đại học Việt Nam.

Công trình *"Tổng quan về học liệu mở và nhận dạng các yếu tố tác động đến việc xây dựng và chia sẻ học liệu mở trong các trường đại học Việt Nam"* Đỗ Văn Hùng [5], giới thiệu về học liệu mở với các triết lý, khái niệm và giấy phép. Phân tích những lợi ích để nhìn ra những khó khăn có thể gây cản trở cho sự phát triển của học liệu mở và đề xuất các giải pháp cho việc phát triển học liệu mở trong nước.

Công trình "*Việc sử dụng học liệu mở trong học tập và nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Văn hóa Hà Nội"* Trương Bảo Đức [6], khẳng định tầm quan trọng và sự thay đổi lớn của học liệu mở đối với nền giáo dục đại học đặc biệt là trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Đề tài làm rõ các vấn đề lý luận về học liệu mở; tìm hiểu thực trạng sử dụng học liệu mở và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng học liệu mở phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Hà Nội.

Công trình "*Phân biệt tài nguyên giáo dục mở và kiến thức khoa học mở nằm trong phạm vi cộng đồng và hoặc được cấp phép mở để khai thác chúng hiệu quả trong việc dạy, học và nghiên cứu"* Lê Trung Nghĩa [7] đã làm rõ về học liệu mở, kiến thức khoa học mở nào nằm trong phạm vi công cộng và các giấy phép mở nào,

bao gồm các giấy phép Creative Commons là phù hợp để cấp phép mở cho chúng và tiềm năng khai thác chúng hiệu quả.

Công trình "Tài nguyên giáo dục mở - yếu tố tích cực cho đổi mới giáo dục đại học và mục tiêu phát triển bền vững quốc gia", Đỗ Văn Hùng đăng trên tạp chí Thông tin và Tư liệu số 5 – 2017 [8]. Công trình đã làm sáng tỏ thực trạng và vai trò của tài nguyên giáo dục mở trong các trường đại học, từ đó đề xuất phát triển tài nguyên giáo dục mở ở quy mô quốc gia nhằm xây dựng một nguồn tài nguyên giáo dục chất lượng cao để dùng chung cho sinh viên, giảng viên và nhà nghiên cứu trong các trường đại học Việt Nam

Ngày 16/3/2023 trong cuộc họp của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm làm rõ những vấn đề liên quan đến một số nội dung quan trọng trong Đề án Xây dựng mô hình tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học do Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn chủ trì, chuyên gia Lê Trung Nghĩa cho rằng nếu gắn giấy phép mở vào học liệu mở của mình tức là tác giả đã trao quyền cho người sử dụng, người sử dụng chỉ cần tuân thủ theo giấy phép đã được gắn vào học liệu đó chứ không cần xin phép tác giả nữa. Chuyên gia Lê Trung Nghĩa cũng đã khẳng định cần có chính sách càng nhiều càng tốt để các kiến thức khoa học là mở, được cấp phép mở, đặc biệt là các kiến thức khoa học được tạo ra từ ngân sách nhà nước, từ tiền của những người đóng thuế miễn là chúng không phải là những kiến thức liên quan đến lĩnh vực an ninh quốc gia và quyền riêng tư của công dân, trên cơ sở hài hòa hóa lợi ích của các bên liên quan đến khoa học mở.

3. Mục đích nghiên cứu

Khẳng định tầm quan trọng của học liệu mở trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới mạnh mẽ của ngành giáo dục trong nước hiện nay. Từ đó đề xuất các giải pháp phát triển học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Học liệu mở.

Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi thời gian: Từ 1970 đến nay.

Phạm vi không gian:

6 Trường đại học đại học đại diện cho khối các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Trường đại học RMIT Việt Nam đại diện trường đại học tư liên kết quốc tế lĩnh vực kinh doanh, công nghệ, thời trang, ngôn ngữ. Trường đại học VINUNI đại diện trường đại học tư thục lĩnh vực khoa học máy tính kỹ thuật, khoa học sức khỏe, quản lý kinh doanh. Trường đại Bách Khoa Hà Nội đại diện trường công lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Trường đại học Kinh tế Quốc dân đại diện trường đại học công lĩnh vực kinh tế, tài chính. Trường đại học Khoa học và Nhân văn đại diện trường đại học công lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn. Trường đại học Văn hóa Hà Nội đại diện trường công lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận về học liệu mở và các khái niệm liên quan.
- Tìm hiểu thực trạng học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.
- Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

6. Ý nghĩa của đề tài

Ý nghĩa lý luận:

Đề tài giúp hoàn thiện hệ thống lý luận về học liệu mở; khẳng định vai trò, tầm quan trọng của học liệu mở với tri thức thời đại mới và phương pháp học tập mới "Học tích cực, chủ động nghiên cứu mọi lúc mọi nơi".

Ý nghĩa thực tiễn:

Đề xuất các giải pháp giúp phát triển học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

7. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu.
- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn giảng viên, cán bộ làm công tác giáo dục

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỌC LIỆU MỞ

1.1 Khái niệm

1.1.1 Nguồn mở

Nguồn mở hay còn được dịch phần mềm mã nguồn mở – định nghĩa cho các phần mềm được cung cấp cùng với mã nguồn của phần mềm. Người dùng có thể dễ dàng sử dụng, sửa đổi và chia sẻ quyền truy cập với cộng đồng. Ý tưởng phát triển phần mềm mã nguồn mở được đề xuất từ năm 1983 bởi Richard Stallman – một lập trình viên nổi tiếng tại MIT. Stallman thấy được rằng lập trình viên cần được trao quyền truy cập vào phần mềm để sửa đổi theo ý muốn để sử dụng phần mềm một cách tối ưu nhất. Cách tiếp cận và tư tưởng của Stallman đã đặt nền móng cho sự hình thành của sáng kiến Nguồn mở (Open Source Initiative) vào năm 1998 trên thế giới. Những phần mềm mã nguồn mở phổ biến trong quản trị thông tin hiện nay có phần mềm mã nguồn mở Dspace và phần mềm mã nguồn mở Vufind.

DSpace là phần mềm mã nguồn mở hỗ trợ giải pháp xây dựng và phân phối các bộ sưu tập số trên Internet. DSpace do thư viện của học viện công nghệ Massachusetts và phòng thí nghiệm của Hewlett-Packard phát triển. Phiên bản DSpace đầu tiên phát hành vào tháng 11 năm 2002, với chức năng ban đầu là đáp ứng yêu cầu quản lý các kết quả nghiên cứu, các tài liệu giảng dạy và học tập đã số hóa của MIT. Với nhiêu ưu điểm nổi trội, DSpace đã sớm được các thư viện Việt Nam, đặc biệt thư viện các trường Đại học đón nhận và nhanh chóng triển khai ứng dụng. Thư viện Đại học Đà Lạt, đơn vị đi đầu trong việc Việt hóa phần mềm, viết các tài liệu hướng dẫn và mở các lớp tập huấn sử dụng phần mềm cho nhiều đơn vị trong cả nước. Cho đến nay ở nước ta đã có khoảng trên 40 trường đại học triển khai ứng dụng phần mềm này.

Vufind phần mềm tìm kiếm tập trung mã nguồn mở được phát triển bởi trường đại học Villanova năm 2010 tại Hoa Kỳ cho phép người dùng tìm kiếm các nguồn tài liệu trên một giao diện duy nhất và vượt trội hơn nhiều lần giao diện Opac. Vufind có cấu trúc module hoàn chỉnh vì vậy người dùng có thể lựa chọn chỉ triển khai các thành phần cơ bản hay toàn bộ các thành phần của nó. Chúng ta cũng có

thể tự do tùy biến, mở rộng dựa trên các thông số cấu hình mà không cần thiết phải thay đổi mã nguồn.

1.1.2 Giáo dục mở

Giáo dục mở hay được biết đến trong những năm thập nhiên 10, 20 của thế kỷ XXI là giáo dục khai phóng. Giáo dục mở, giáo dục dành cho tất cả mọi người, xóa bỏ các rào cản về giáo dục. Điều này có thể hiểu là lược bỏ bớt các yêu cầu đầu vào và đảm bảo các yếu tố đầu ra bằng cách cung cấp nội dung, dữ liệu học tập một cách miễn phí và có thể tái sử dụng nhiều lần. Ở Việt Nam, giáo dục mở hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề tranh cãi như việc cấp phép khai thác mở, định nghĩa về mở, có nên tham gia vào giáo dục mở hay không, … trong khi những khía cạnh được nhiều sự ủng hộ như sự hỗ trợ về công nghệ học tập, sự liên kết trong giáo dục … Nhưng nhìn chung có thể thấy được rằng giáo dục tại Việt Nam đang được chuyển đổi một cách mạnh mẽ và giáo dục mở là nền tảng của sự chuyển đổi này.

Cột mốc quan trọng trong sự phát triển của Giáo dục mở - Open Education là tại Diễn đàn UNESCO "Ảnh hưởng của Học liệu Mở đối với giáo dục đại học ở các quốc gia đang phát triển". Đây được coi là cột mốc quan trọng bởi nền tảng của Giáo dục mở chính là Học liệu mở - Open Course Ware. Định nghĩa của Giáo dục Mở được Liên minh Xuất bản Học thuật và Tài nguyên Hàn lâm – SPARC (Scholarly Publishing and Academic Resources Coalition) như sau:

"Giáo dục Mở xoay quanh các tài nguyên, các công cụ và các thực hành là tự do, không có các rào cản về pháp lý, tài chính và kỹ thuật và có thể hoàn toàn được sử dụng, được chia sẻ và được tùy biến thích nghi trong môi trường số. Giáo dục Mở tối đa hóa sức mạnh của Internet để làm cho giáo dục kham được hơn, truy cập được hơn và hiệu quả hơn." Nền tảng của Giáo dục Mở là Học liệu Mở

Trên thế giới hiện nay đã hình thành và phát triển mạng lưới toàn cầu về giáo dục mở quốc tế - OEC, với sự tham gia của nhiều trường đại học của các quốc gia có nền giáo dục phát triển trên thế giới như Anh, Mỹ, Phần Lan …. Mục tiêu của OEC thúc đẩy và hỗ trợ sự cởi mở trong giáo dục trên thế giới. Trong đó với tầm nhìn trao quyền thông qua giáo dục. Xây dựng một thế giới mà ở đó mọi người, ở

mọi nơi đều được tiếp cận giáo dục và đào tạo chất lượng cao như họ mong muốn; giáo dục được coi là một lợi ích xã hội thiết yếu, cần được chia sẻ và hợp tác.

1.1.3 Học liệu mở

Tài nguyên giáo dục mở OER - vấn đề được đề cập nhiều nhất trong thời điểm bùng nổ thông tin toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 và xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức hiện nay. Tuy nhiên thực tế thuật ngữ OER thường được sử dụng đồng nghĩa với thuật ngữ học liệu mở OCW. Về bản chất thuật ngữ OCW để chỉ nội dung cụ thể của một tài liệu, khóa học và là một trong 3 thành phần cấu thành nên OER bao gồm OP, OCW và OA. Triết lý mở (quả táo và ý tưởng) được Bermard Shaw đưa ra: "Tôi có một quả táo, bạn có một quả táo, chúng ta trao đổi cho nhau và mỗi người chúng ta có một quả táo. Tôi có một ý tưởng, bạn có một ý tưởng, chúng ta trao đổi cho nhau và mỗi chúng ta có hai ý tưởng". "Quả táo" tượng trưng cho những tài nguyên thiên niên hữu hạn như đất, nước, khoáng sản … càng khai thác càng giảm sút và đến một thời điểm nào đó sẽ cạn kiệt. Trong khi đó "Ý tưởng" tượng trưng cho cho thông tin, trí tuệ của con người càng khai thác càng tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Đặt vào trong lĩnh vực giáo dục nguồn học liệu các Trường học càng được khai thác sử dụng bởi nhiều sinh viên, giảng viên sẽ càng phát triển chất lượng và số lượng của nguồn học liệu.

Thuật ngữ Tài nguyên giáo dục mở (OER) lần đầu tiên được thông qua tại diễn đàn UNESCO năm 2002 về tác động của OER cho giáo dục đại học của các nước đang phát triển dưới sự tài trợ của Quỹ William và Flora Hewlett gồm: "Nội dung học gồm: Các khoá học đầy đủ, các tài liệu học tập, các module nội dung, các đối tượng học tập, tuyển tập, tạp chí,…; Công cụ: Phần mềm hỗ trợ việc tạo lập, phân phối, sử dụng và cải thiện nội dung học tập mở bao gồm cả việc tìm kiếm và tổ chức nội dung, các hệ thống quản lý nội dung và quá trình học tập (CLMS), các công cụ phát triển nội dung, và các cộng đồng học tập trực tuyến. Các tài nguyên bổ sung khác: Các giấy phép sở hữu trí tuệ để thúc đẩy xuất bản các tài liệu mở, các nguyên tắc thiết kế, và việc bản địa hoá nội dung" [11].

Học liệu mở theo UNESCO "OCW là nguồn lực phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu tồn tại trong phạm vi công cộng và được lưu hành theo giấy phép sở

hữu trí tuệ cho phép sử dụng miễn phí và tái sử dụng theo mục đích bởi những người khác" [11].

Bách khoa toàn thư mở - Wikipedia đã định nghĩa "Học liệu mở là những bài giảng môn học được tạo ra bởi trường đại học và được xuất bản cho sử dụng tự do trên Internet".

Theo Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (Office of Educational Technology – OET) (2016): "OCW là toàn bộ các tài liệu học tập dùng cho giảng dạy, học tập, và đánh giá mà 20 không phải trả phí. Chúng có thể được sửa đổi và phân phối lại mà không vi phạm luật bản quyền".

Từ những quan điểm trên tác giả xin đưa ra khái niệm về học liệu mở: "Học liệu mở là những thông tin, tri thức tồn tại dưới mọi hình thức vật chất và phi vật chất, được tác giả chia sẻ với cộng đồng bằng một loại giấy phép mở đi kèm. Người dùng được tự do sử dụng học liệu với những quy định trên giấy phép gắn trên học liệu, không cần xin ý kiến tác giả."

Theo Học viện công nghệ Massachusetts - MIT: "Khái niệm Học liệu mở được hiểu là tập hợp có tổ chức các bài giảng, lịch học, danh mục tài liệu tham khảo, bài tập về nhà, bài thi, bài thí nghiệm… được phép truy cập, sử dụng lại, dịch và sửa đổi chúng một cách tự do (miễn phí) cho mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu thông qua Internet".

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD, OCWlà "những tài liệu học tập và nghiên cứu có sử dụng những công cụ phù hợp như cấp phép mở, cho phép những người khác được tự do tái sử dụng, tiếp tục cải tiến và đặt lại mục tiêu phục vụ mục đích giáo dục". Trung tâm Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo giáo dục (CERI - Centre for Educational Research and Innovation) của OECD làm rõ hơn và cho rằng OCW là "những tài nguyên học tập số, được cung cấp trực tuyến một cách tự do và mở cho giáo viên, người làm công tác giáo dục, sinh viên, học viên, những người học độc lập để sử dụng, chia sẻ, kết hợp, thích ứng và mở rộng trong hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu".

Một trong những nội dung quan trọng của học liệu mở là khoa học mở. Theo tài liệu khuyến nghị Khoa học mở của UNESCO được 193 quốc gia đồng thuận thông

qua ngày 23/11/2021 đã chỉ ra rằng: "Khoa học mở có nguồn gốc từ vài thập kỷ trước như là phong trào biến đổi thực hành khoa học để thích nghi với các thay đổi, thách thức, cơ hội và rủi ro của kỷ nguyên số và để làm gia tăng tác động xã hội của khoa học, và lưu ý, về khía cạnh này, Tuyên bố về Khoa học và Sử dụng Kiến thức Khoa học của UNESCO/ICSU năm 1999 và Chương trình nghị sự - Khung Hành động, Sáng kiến Truy cập Mở Budapest 2002, Tuyên bố Bethesda 2003 về Xuất bản Truy cập Mở và Tuyên bố Berlin 2003 về Truy cập Mở tới Kiến thức trong Khoa học và Nhân văn" [12].

Như vậy có thể hiểu bản chất của học liệu mở là những học liệu có bản quyền thuộc về cộng đồng. Bất kỳ ai cũng có thể truy cập, khai thác, sửa đổi và chia sẻ trong cộng đồng với giấy phép CC được gắn kèm tài liệu ấy.

1.1.4 Bản quyền và giấy phép tài liệu

Bản quyền được ra đời với mục đích bảo vệ quyền lợi của tác giả, sở hữu tác giả đối với tác phẩm khỏi những hoạt động khai thác, sử dụng, chiếm hữu tác phẩm bất hợp pháp. Bản quyền chỉ rõ chỉ có tác giả, người duy nhất được quyết định đến hoạt động liên quan đến tác phẩm của mình: chẳng hạn như cho phép hoặc không cho phép xuất bản hay phân phối tác phẩm, có được sửa đổi hay không, có được sao chép để sử dụng hay không. Bản quyền được đảm bảo trong một khoảng thời gian có giới hạn, sau đó tác phẩm được chuyển sang phạm vi công cộng. Bản quyền không cho phép truy cập sử dụng, chia sẻ tác phẩm, kể cả là mục đích phi thương mại nếu không có sự đồng ý của tác giả. Do đó dẫn đến sự hạn chế phổ biến tác phẩm đến với công chúng hoặc có thể hoàn toàn không được công bố, thậm chí đến khi tác phẩm được chuyển sang phạm vi công cộng tác phẩm bị giảm giá trị hoặc không còn giá trị sử dụng.

Các tác phẩm thuộc phạm vi công cộng là những tác phẩm không còn bị giới hạn bởi bất cứ bản quyền nào. Đó là những tác phẩm hết thời hạn bảo hộ bản quyền, từ bỏ bản quyền …. Thường bản quyền tác giả của một tác phẩm được bảo hộ từ khi tác giả đăng ký bản quyền đến 50 – 100 năm sau khi tác giả qua đời. Sau khi hết thời hạn hiệu lực bảo hộ bản quyền bất kỳ ai cũng có thể sử dụng, phái sinh tác phẩm mà không cần phải xin phép tác giả nữa.

Việc chờ đợi hết thời gian bản quyền để tự do sử dụng là một điều cực kỳ khó chịu và đi ngược với bản chất của thông tin, tri thức cần phải được phổ biến rộng rãi để mọi người sử dụng và làm tăng giá trị của chính những thông tin, tri thức ấy. Một tính chất đặc biệt của thông tin, tri thức mà không một tài nguyên nào có được. Đó là càng sử dụng phổ biến, thông tin tri thức không những không mất đi mà giá trị của chúng càng tăng lên. Nếu như các nguồn tài nguyên vật chất như nước, đất, con người, kim loại, dầu mỏ … càng khai thác sẽ ngày càng tiêu hao và sẽ đến một thời điểm cạn kiệt. Nhưng tài nguyên thông tin, tri thức càng được phổ biến rộng rãi, càng được sử dụng, số lượng chất lượng của thông tin, tri thức càng được tăng lên theo cấp số nhân. Chính vì vậy mà những sáng tạo, tri thức của con người cần được xóa bỏ những rào cản pháp lý và chia sẻ sử dụng ngay từ khi công bố. Đó chính là nguyên nhân ra đời của một loại giấy phép bản quyền công cộng hay còn được biết đến với tên gọi là bản quyền trái. Bản quyền này giúp cho người sử dụng những khía cạnh sau: tự do sử dụng tác phẩm, tự do nghiên cứu tác phẩm, tự do sao chép, chia sẻ rộng rãi tác phẩm và tự do sáng tạo các tác phẩm phái sinh dựa trên tác phẩm gốc mà không cần phải xin phép tác giả.

Giấy phép mở Creative Commons (CC) là loại giấy phép bản quyền trái phổ biến hiện nay: “Giấy phép CC được coi giấp phép bản quyền ra đời vào ngày 16/12/2002 bởi Creative Commons – một tổ chức phi lợi nhuận của Hoa Kỳ thành lập năm 2001” [13]. Giấy phép CC được sử dụng khi tác giả muốn cho người khác quyền chia sẻ, sử dụng và xây dựng dựa trên tác phẩm mà tác giả đã tạo ra. CC cung cấp sự linh hoạt cho tác giả và bảo vệ những người sử dụng hoặc phân phối lại tác phẩm của tác giả khỏi lo ngại vi phạm bản quyền miễn họ tuân thủ các điều kiện được chỉ định trong giấy phép mà tác giả phân phối tác phẩm. Tháng 10 năm 2014, Open Knowledge Foundation đã phê duyệt các giấy phép Creative Commons CC BY, CC BY-SA và CC0 phù hợp với "Định nghĩa mở" cho nội dung và dữ liệu. CC cung cấp 7 loại giấy phép cho người dùng trong sử dụng, tạo lập và chia sẻ tác phẩm. Mỗi loại giấy phép CC đều bao gồm những quyền pháp lý đi kèm thể hiện bằng các biểu tượng kết hợp kí hiệu nhận biết:

Biểu tượng	Mô tả
	Ghi công (BY) - Bất kỳ ai sử dụng tác phẩm của bạn đều phải ghi công cho bạn theo cách bạn yêu cầu nhưng không phải theo cách gợi ý chứng thực
	Chia sẻ tương tự (SA) - Mọi người được phép sao chép, phân phối, hiển thị, trình diễn và sửa đổi tác phẩm của bạn miễn là họ phân phối bất kỳ tác phẩm đã sửa đổi nào theo cùng điều khoản mà bạn đã cấp phép cho tác phẩm của mình
	Phi thương mại (NC) - Mọi người được phép sao chép, phân phối, hiển thị, trình diễn và sửa đổi tác phẩm của bạn dưới bất kỳ hình thức nào ngoại trừ hình thức thương mại
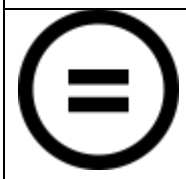	Không có tác phẩm phái sinh (ND) - Mọi người được phép sao chép, phân phối, trưng bày và thực hiện tác phẩm của bạn nhưng không được phép sửa đổi nó

Các loại giấy phép dựa trên cơ sở 5 nguyên tắc cơ bản của OER và xuất bản mở (Nguyên tắc 5R) [7]:

1- **R**etanin – Giữ lại: Quyền tạo lập, sở hữu và kiểm soát các bản sao nội dung
2- **R**euse – Sử dụng lại: Quyền sử dụng nội dung theo các cách thức khác nhau. Mọi người được phép sử dụng tất cả hoặc một phần tác phẩm cho các mục đích riêng của họ
3- **R**evise – Làm lại: Quyền tùy biến, tinh chỉnh, sửa đổi hoặc sửa bản thân nội dung đó
4- **R**emix – Pha trộn: Quyền kết hợp nội dung gốc hoặc được làm lại với tư liệu khách để tạo ra thứ gì đó mới
5- **R**edistribute: Phân phối lại: Quyền chia sẻ các bản sao của nội dung gốc ban đầu, các bản làm lại hoặc các bản pha trộn của bạn với những người khác

Kết hợp các quyền CC với nguyên tắc 5R sẽ tạo ra hệ thống giấy phép cấp cho các học liệu mở, gắn giấy phép cho các tác phẩm. Từ đó người dùng sẽ căn cứ vào hệ thống giấy phép mở CC để sử dụng, có thể truy cập, sử dụng lại, tùy chỉnh và phân phối lại các học liệu mở một cách hợp pháp.

Ngoại những học liệu nằm trong phạm vi công cộng (CC0) và ngoại trừ 2 giấy phép nằm ở dưới cùng là CC BY-ND và CC BY-NC-ND không cho phép tùy chỉnh học liệu nên không phù hợp với định nghĩa của học liệu mở được nêu ở trên. Các giấy phép mở CreativeCommons còn lại phù hợp để cấp phép cho các học liệu mở gồm: CC BY; CC BY-SA; CC BY-NC; CC BY-NC-SA. Các học liệu được gắn một loại giấy phép mở CC cụ thể cho phép sử dụng, tái tạo, chia sẻ theo những điều kiện nhất định, tự do và không cần mất phí cho bất kì ai.

Tên giấy phép	Biểu tượng và ký hiệu	Các quyền của người sử dụng
CC Zero	CC0	Đây là giấy phép đặc biệt. Tất cả các quyền được trao cho bạn. Tác phẩm nằm trong phạm vi công cộng. Bạn được phép làm bất kỳ điều gì với tác phẩm đó.
CC - Ghi công	CC BY	Bạn được phép chia sẻ (sao chép và phân phối lại tác phẩm trong bất kỳ phương tiện hay định dạng nào), tùy biến (pha trộn, biến đổi, và xây dựng dựa vào tác phẩm đó vì bất kỳ mục đích gì, kể cả thương mại hóa), miễn là bạn thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả.
CC - Ghi công - Chia sẻ tương tự	CC BY-SA	Bạn được phép chia sẻ, tùy biến, kể cả thương mại hóa, miễn là bạn thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả, và tác phẩm phái sinh của bạn (nếu có) sẽ phải mang giấy phép giống như của tác phẩm gốc.
CC - Ghi công - Phi thương mại	CC BY-NC	Bạn được phép chia sẻ, tùy biến nhưng không được phép sử dụng tác phẩm vào các mục đích thương mại, và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.
CC - Ghi công - Phi thương mại - Chia sẻ tương tự	CC BY-NC-SA	Bạn được phép chia sẻ, tùy biến nhưng không được phép sử dụng tác phẩm vào các mục đích thương mại, tác phẩm phái sinh của bạn (nếu có) sẽ phải mang giấy phép giống như của tác phẩm gốc và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.
CC - Ghi công - Không có phái sinh	CC BY-ND	Bạn được phép chia sẻ, dù cho các mục đích thương mại hay phi thương mại, nhưng bạn không được sửa đổi tác phẩm, và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.
CC - Ghi công - Phi thương mại - Không có phái sinh	CC BY-NC-ND	Bạn được phép chia sẻ, nhưng không được sử dụng cho các mục đích thương mại, cũng không được sửa đổi tác phẩm, và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.

Hình ảnh 1: Hệ thống giấy phép mở CC

1.1.5 Học liệu số

Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX với sự phát triển của công nghệ, mạng Internet đã dẫn sự ra đời của một loại thông tin mới với một loại không gian mới, đó là thông tin số và không gian Internet. Thông tin số được hiểu một cách đơn giản là những thông tin được số hóa, lưu trữ, tạo lập và chia sẻ qua không gian mạng. Những thông tin số về giáo dục, cung cấp kiến thức học tập được gọi là học liệu số.

Đặc trưng của học liệu số là sự tạo lập, truy cập và chia sẻ một cách dễ dàng, mọi lúc mọi nơi. Sự xuất hiện của học liệu số đã làm bùng nổ sự chia sẻ, liên kết của học liệu mở. Nhờ sự truy cập, sử dụng và chia sẻ dễ dàng của học liệu số - giải quyết được bài toán về việc sử dụng, tạo lập, chia sẻ học liệu mở một cách tối ưu. Người dùng có thể dễ dàng sử dụng, phái sinh, chia sẻ học liệu mở với cộng đồng qua những thiết bị công nghệ khác nhau. Có thể coi học liệu số như một bước nhảy bứt phá của học liệu mở, làm cho học liệu mở có thể được phát triển một cách nhanh chóng và phổ biến tới cộng đồng.

1.2 Lịch sử phát triển của học liệu mở

Các dấu hiệu về sự xuất hiện của học liệu mở đã có từ cuối những năm 90 của thế kỷ trước ở một số nơi trên thế giới, lớn mạnh nhất tại Hoa Kỳ. Năm 2002 học liệu mở/ tài nguyên giáo dục mở lần đầu được đưa ra bàn luận trong diễn đàn của UNESCO về "Ảnh hưởng của học liệu mở OCW đối với giáo dục đại học ở các quốc gia đang phát triển". Cũng trong năm 2002 dự án học liệu mở được học viện công nghệ MIT chính thức đưa vào hoạt động với chương trình đào tạo hơn 1900 khóa học đại học và sau đại học miễn phí tại http://ocw.mit.edu/. Theo MIT OpenCourseWare (2006) báo cáo cho biết người sử dụng học liệu mở bao gồm người học riêng (46.5%), học sinh (32%), các nhà giáo dục (16.4%) và những người khác.

Theo MIT đến năm 2015 MIT đã xuất bản khoảng 2.260 tài liệu liệu môn học với 1 tỉ lượt xem, 175 triệu lượt truy cập trên khắp thế giới đồng thời xây dựng thêm hai nguồn học liệu mở khác dành cho học giả - OCW Scholar và dành cho nhà giáo dục OCW Educator. MIT đã đưa ra một khái niệm về học liệu mở là sự xuất bản dựa trên nền web toàn bộ nội dung môn học của MIT ở quy mô lớn tạo ra một phương thức tiếp cận mới trong chia sẻ nguồn tri thức mới.

Vào năm 2007, những người ủng hộ OE/OER/OCW trên thế giới đã họp tại Cape Town, Nam Phi và đưa ra Tuyên bố Giáo dục Mở Cape Town 2007. Tuyên bố ủng hộ mạnh mẽ OE/OCW, khuyến khích các nhà giáo dục và những người học tích cực tham gia phong trào OE và kêu gọi tất cả các bên tham gia đóng góp phát triển các học liệu và phát hành chúng như là OCW. Tuyên bố nêu: "Giáo dục mở không có giới hạn chỉ cho tài nguyên giáo dục mở. Nó cũng dựa vào các công nghệ mở để tạo thuận lợi cho công tác học tập, mềm dẻo và chia sẻ mở các thực hành dạy học để trao quyền cho các nhà giáo dục nhằm hưởng lợi từ những ý tưởng tốt nhất từ các đồng nghiệp của họ. Nó có thể cũng phát triển để bao gồm cả các tiếp cận mới về đánh giá, công nhận và học tập công tác." Tuyên bố vạch ra 3 kế hoạch chiến lượng nhằm gia tăng sự tác động của các học liệu mở:

1. Các nhà giáo dục và những người học. Tuyên bố khuyến khích phong trào giáo dục mở trên thế giới. Các cá nhân cần tích cực tạo lập, sử dụng, sáng tạo, chia sẻ học liệu mở; thúc đẩy sự cộng tác giữa các mối quan hệ song song, đồng nghiệp cùng tham gia vào phong trào.
2. Học liệu mở. Tuyên bố kêu gọi các nhà giáo dục, tác giả, các nhà xuất bản tích cực phát hành các học liệu của họ ở dạng Mở. Các học liệu mở nên được chia sẻ tự do qua các giấy phép mở để thuận lợi sử dụng, cải biến và chia sẻ. Các học liệu nên được định dạng thuận lợi, thích nghi được với sự đa dạng của thiết bị kỹ thuật công nghệ của người dùng.
3. Chính sách giáo dục mở. Các chính phủ, lãnh đạo các trường học nên làm cho giáo dục mở được ưu tiên phát triển. Ý tưởng, học liệu sử dụng ngân sách tập thể nên đưa vào dạng Mở. Các học liệu mở cần được tạo thuận lợi trong quy trình công nhận và sử dụng. Tích cực xây dựng các bộ sưu tập học liệu mở trong các kho tài nguyên giáo dục.

Hội nghị Thế giới lần thứ nhất về OCW diễn ra trong cuối tháng 6/2012 tại trụ sở của UNESCO ở Paris, Pháp. Hội nghị đã đưa ra Tuyên bố Paris về giáo dục mở với 10 điểm khuyên cáo các quốc gia theo năng lực và quyền hạn của mình thúc đẩy OCW vì sự phát triển chung. Tuyên bố khuyến khích các chính phủ trên thế giới cấp phép mở các học liệu giáo dục được nhà nước cấp vốn để sử dụng công cộng: "Các chính phủ/các cơ quan có thẩm quyền có thể tạo ra những lợi ích to lớn cho các công dân của họ bằng việc đảm bảo các tư liệu giáo dục được phát triển bằng

các vốn cấp của nhà nước được làm cho sẵn sàng theo các giấy phép mở (với bất kỳ hạn chế nào họ thấy cần thiết) để tối đa hóa ảnh hưởng của sự đầu tư đó".

Trong các ngày 18-20/09/2017 tại Ljubjana, Slovenia, đã diễn ra Hội nghị Thế giới lần thứ hai về OCW với sự tham gia của 100 quốc gia thành viên UNESCO với 500 đại biểu tham dự với chủ đề "OCW vì giáo dục bao hàm toàn diện và công bằng: từ cam kết tới hành động", đã đưa ra Tuyên bố Ljubjana 2017 về OCW "Từ cam kết đến hành động". Kế hoạch hành động Ljubjana với 41 khuyến cao cho OCW để hỗ trợ cho mục tiêu phát triển bền vững được thông qua. Kế hoạch kêu gọi vì OCW ở tất cả các mức giáo dục và nhắc lại lời kêu gọi của Tuyên bố Paris đối với các quốc gia làm cho các học liệu giáo dục sẵn sàng theo các giấy phép mở "Các tài nguyên giáo dục được nhà nước cấp vốn nên được phát triển và chia sẻ như là các tài nguyên giáo dục được cấp phép mở". Kế hoạch đưa ra 41 hành động khuyến cáo các quốc gia theo 5 lĩnh vực trọng tâm:

1. Xây dựng năng lực của người sử dụng để tìm kiếm, sử dụng lại, tạo lập và chia sẻ OCW
2. Các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa
3. Đảm bảo truy cập bình đẳng và toàn diện tới OCW chất lượng
4. Phát triển các mô hình bền vững
5. Phát triển các môi trường chính sách hỗ trợ

Hội nghĩa đã khẳng định vai trò then chết của OCW có thể đạt được 17 mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 "Phát triển bền vững" (9/2015). Đồng thời cũng khẳng định OCW giúp biến đổi việc dạy và học ở tất cả các mức độ của giáo dục: cải thiện truy cập sách giáo khoa, nâng cao chất lượng dạy học, nghiệp vụ giảng viên được cải thiện, gia tăng sự truy cập các học liệu không phải tiếng Anh, tối ưu chi phí giáo dục, hỗ trợ việc học tập suốt đời, đa dạng về văn hóa.

Năm 2019, UNESCO đưa ra khuyến nghị về OCW được 193 quốc gia thành viên thông qua, hình thành các quy chuẩn cho sự điều chỉnh quốc tế về OCW. Từ đó mỗi quốc gia tiến hành xây dựng chính sách OCW trong lãnh thổ của họ.

Tính đến hết năm 2017 trên thế giới đã có hơn 1 tỷ 470 triệu các học liệu được cấp phép mở Creative Commons cùng sự phát triển của các lĩnh vực liên quan khác như khoa học mở, truy cập mở, dữ liệu mở trên khắp thế giới. Cũng năm 2017 nhân kỷ niệm 10 năm Tuyên bố Giáo dục Mở Cape Town, tuyên bố đã được cập nhật với mục tiêu đưa phong trào giáo dục mở phát triển hơn nữa với 10 đường hướng: (1)

Truyền thông mở; (2) Trao quyền cho thế hệ sau; (3) Kết nối các phong trào mờ khác; (4) Giáo dục mở vì sự phát triển; (5) Sư phạm mở; (6) Suy nghĩ vượt ra ngoài tổ chức; (7) Dữ liệu và phân tích; (8) Vượt ra ngoài sách giáo khoa; (9) Mở ra các tài nguyên được nhà nước cấp vốn; (10) Cải cách bản quyền cho giáo dục. Các nguồn học liệu mở được xây dựng trên thế giới có thể truy cập tại địa chỉ https://www.softwareheritage.org/. Theo số liệu đăng nhập ngày 20/10/2023 có tới hơn 17 tỷ mã nguồn được cấp phép mở nằm trong 266 triệu dự án nguồn mở trên thế giới. [10]

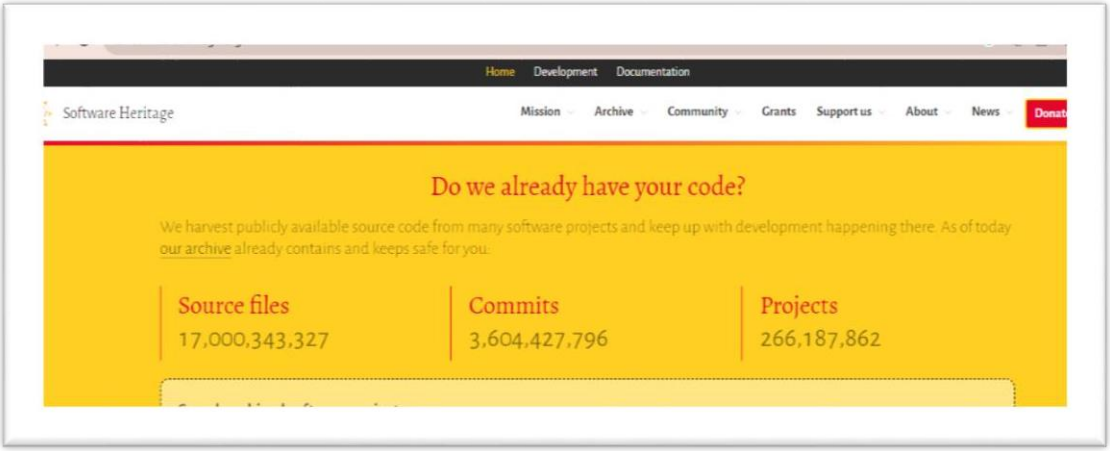

Hình 2: Số liệu học liệu mở trên https://www.softwareheritage.org/ ngày 20/10/2023

Đến nay OCW đã phát triển mạnh mẽ trên thế giới với nhiều nguồn học liệu mở đa dạng và phong phú như: MIT Open Course Ware (http://ocw.mit.edu/) cung cấp các tài liệu của hơn 2500 khóa học (cuối năm 2023) do Viện Công nghệ Massachusetts, Hoa Kỳ tài trợ. Nguồn học liệu của MIT với nhiều bài giảng khóa học, tài liệu tham khảo, nghiên cứu giảng dạy.

Thư viện số luận án MIT (http://dspace.mit.edu/): là nguồn học liệu mở quý giá với những tài chuyên ngành, lĩnh vực chủ yếu bằng ngôn ngữ quốc tế tiếng Anh. Tại trang này bạn có thể tham khảo toàn văn các luận án theo những quy định của trang. Đây là một bước phát triển lớn của OCW, phần lớn các trường học đều coi luận văn luận án là tài liệu nội bộ và không được công bố. Nhưng ở thư viện số của MIT bạn có thể xem và tải xuống các bài nghiên cứu chuyên môn để sử dụng, nghiên cứu với điều kiện: "Các luận văn của MIT được bảo vệ bản quyền. Chúng có thể được xem từ nguồn này vì bất kỳ mục đích nào, nhưng việc sao chép hoặc phân phối dưới bất kỳ hình thức nào đều bị cấm nếu không có sự cho phép bằng văn

bản.” Bộ sưu tập với gần 100 nghìn tác phẩm chất lượng cao được xem như một trong số các kho nghiên cứu quý giá cho các nhà nghiên cứu.

Open Learn (http://www.open.edu/openlearn/) là trang học liệu mở cung cấp các tài liệu khóa học với nhiều thể loại khác nhau như thanh niên, trẻ em, kinh doanh, kỹ thuật … Đây có thể coi như một hình thức đào tạo trực tuyến của giáo dục mở. Mục đích của trang nhằm xóa bỏ các rào cản đối với giáo dục bằng khả năng tiếp cận mọi người học trên thế giới, cung cấp các nguồn phục vụ giáo dục miễn phí và mời tất cả các khóa học mẫu đăng ký miễn phí

Khóa học trực tuyến mở đại chúng – Massive open online course (http://mooc.org/) là trang cung cấp các khóa học trực tuyến cho lượng lớn người tham gia ở bất cứ nơi nào miễn có kết nối Internet, mở cho tất cả mọi người không cấp bằng nhập cảnh đồng thời cung cấp đầy đủ tài liệu để hoàn thành khóa học trực tuyến miễn phí.

Sáng kiến Học Mở - Open Learning Initiative (http://oli.cmu.edu/) là nguồn được tài trợ bởi trường Đại học Carnegie Mỹ cung cấp các khóa học trực truyến cho bất kỳ ai. Mục đích của trang là tạo ra các khóa học chất lượng thúc đẩy sự nghiên cứu, cải thiện sự học tập sau đại học.

1.3 Các yếu tố thúc đẩy phát triển học liệu mở

1.3.1 Tác động của sự bùng nổ thông tin toàn cầu

- ***Thông tin***

Thông tin có thể được hiểu theo nhiều cách với nhiều định nghĩa khác nhau, nhưng thông tin thường được hiểu theo ba khái niệm chính:

Theo nghĩa thông thường thông tin là tất cả những gì đem lại hiểu biết cho con người.

Theo quan điểm triết học thông tin là một phạm trù triết học, phản ánh thế giới khách quan qua góc nhìn chủ quan.

Theo lý thuyết toán thông tin là những gì làm giảm tính bất định của con người đối với các sự vật, hiện tượng.

Tóm lại có thể hiểu thông tin là những dữ liệu, dữ kiện đem lại hiểu biết cho con người, làm thay đổi nhận thức và duy trì hoạt động sống của con người.

- ***Bùng nổ thông tin***

Theo thư viện thông tin: Bùng nổ thông tin là một thuật ngữ chỉ hiện tượng gia tăng mạnh mẽ các sản phẩm thông tin tư liệu mà con người không thể quản lý, kiểm soát được. Thuật ngữ này xuất hiện từ khoảng cuối những năm 70 thế kỷ trước với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và mạng Internet. Bùng nổ thông tin thể hiện qua các con số về gia tăng nhanh chóng của khối lượng thông tin, sự xuất hiện của các dạng thông tin mới và sự gia tăng đội ngũ sáng tạo ra thông tin.

Các cuộc khảo soát đã chỉ ra rằng khối lượng thông tin mà con người tạo ra trong khoảng 50 năm gần đây lớn hơn gấp nhiều lần tổng số lượng thông tin mà nhân loại tạo ra trước. Sự xuất hiện của Internet và các thiết bị công nghệ đã làm xuất hiện những dạng thông tin mới chưa từng xuất hiện trong lịch sử như thông tin số, thông tin vi phim … Cùng với đó sự gia tăng cả về số lượng và chất lượng đội ngũ sáng tạo ra thông tin. Theo thống kê của Google Scholar và Microsoft Academic Graph "*tính đến ngày 6-12-2021 trên thế giới có 166880 các nhà khoa học hàng đầu của các lĩnh vực trên thế giới"* [14] và còn rất rất nhiều những khoa học chưa được biết đến khác.

- ***Tác động của bùng nổ thông tin toàn cầu đến sự phát triển của học liệu mở***

Sự bùng nổ thông tin toàn cầu tạo ra một khối lượng thông tin khổng lồ, và phần lớn các thông tin này lan tràn trên khắp các nền tảng xã hội mà không cần mất phí để khai thác và sử dụng. Nói một cách khác sự bùng nổ thông tin đã tạo ra một nguồn nguyên liệu bao la, vô tận cho việc tạo lập học liệu mở. Mọi người có thể dễ dàng sử dụng những thông tin xung quanh bản thân cùng với sự sáng tạo để tạo lập các học liệu mở và rồi lại đóng góp lại cho cộng đồng tạo thành một hệ sinh thái về học liệu mở.

Ngoài những thuận lợi sự bùng nổ thông tin toàn cầu cũng tạo ra những thách thức về việc thu thập và quản trị học liệu mở. Bởi khối lượng thông tin quá lớn và phức tạp như vậy đòi hỏi các tổ chức, cá nhân cần phải có những trình độ nhất định và các trang thiết bị chuyên dụng cho quá trình thu thập và tổ chức nguồn lực thông tin để quản trị học liệu mở. Đặc biệt yêu cầu về kỹ năng quản trị thông tin, hạ tầng

công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communications Technology - ICT). Các kỹ năng quản trị thông tin sẽ giúp cho nhân lực thực hiện xây dựng học liệu mở tại các trường có thể thực hiện quy trình thông tin học liệu mở một cách hiệu quả. Còn hạ tầng ICT là phương tiện và môi trường để nhân lực các trường thực hiện quy trình thông tin.

Chính vì thế mà trong bối cảnh bùng nổ thông tin toàn cầu học liệu mở hoàn toàn có thể được phát triển một cách mạnh mẽ, một xu hướng tất yếu. Bởi bùng nổ thông tin toàn cầu tạo ra một khối lượng nguyên liệu khổng lồ cho việc tạo lập học liệu mở, đặc biệt là sự xuất hiện của hình thức thông tin số đã tạo tiền đề để học liệu mở được phổ biến một cách rộng rãi đến tất cả mọi cá nhân. Với chỉ một thiết bị có kết nối Internet người dùng có thể truy cập đến và khai thác học liệu mở ở mọi lúc mọi nơi mà không cần phải tốn nhiều thời gian, kinh phí khi sử dụng học liệu truyền thống.

1.3.2 Ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

- ***Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử nhân loại***

Lịch sử nhân loại đã trải qua hơn 6 triệu năm nhưng chỉ trong khoảng hơn 300 năm trở lại đây nhân loại đã liên tục nhảy lên những nền văn minh mới với những cuộc cách mạng khoa học công nghiệp.

Cuộc cách mạng công nghiệp 1.0 nổ ra vào khoảng năm 1784 với dấu mốc là phát minh vĩ đại của James Watt về động cơ hơi nước. Nó đã tạo ra một cơn trấn động toàn châu Âu thời điểm đó và phát minh này cũng đã châm ngòi cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở nước Anh trong thế kỷ XIX và lan rộng ra khắp thế giới. Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp này là sử dụng năng lượng từ nước, hơi nước và cơ giới hóa trong sản xuất tạo ra khối lượng của cải lớn hơn tất cả quãng thời gian trước đó cộng lại.

Cuộc cách mạng công nghiệp 2.0 ra đời từ khoảng năm 1870 đến khi Thế Chiến I nổ ra. Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần này là việc sử dụng năng lượng điện và sự ra đời của các dây chuyền sản xuất hàng loạt trên quy mô lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra khi có sự phát triển của ngành điện, vận tải, hóa học, sản xuất thép, và đặc biệt là sản xuất hàng hóa hàng loạt.

Cuộc CMCN lần thứ 2 đã tạo nên những tiền đề mới và cơ sở vững chắc để phát triển nền công nghiệp ở mức cao hơn nữa.

Cuộc cách mạng công nghiệp 3.0 xuất hiện vào khoảng từ 1969, với sự ra đời và lan tỏa của công nghệ thông tin, sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Cuộc cách mạng này thường được gọi là cuộc cách mạng máy tính hay cách mạng số bởi vì nó được xúc tác bởi sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính, máy tính cá nhân và sự phổ biến của Internet trong những thập nhiên 70, 80, 90 của thế kỷ trước. Cuộc cách mạng công nghiệp này đã tạo điều kiện tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực xã hội, cho phép chi phí tương đối ít hơn các phương tiện sản xuất để tạo ra cùng một khối lượng hàng hóa tiêu dùng.

Và gần đây nhất nhân loại nói đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 được xuất hiện lần đầu tiên tại Hội chợ công nghiệp Hannover tại Cộng hòa Liên bang Đức vào năm 2011. Năm 2013, một từ khóa mới là "Công nghiệp 4.0" hay Industrie 4.0 bắt đầu nổi lên xuất phát từ một báo cáo của chính phủ Đức đề cập đến cụm từ này nhằm nói tới chiến lược công nghệ cao, điện toán hóa ngành sản xuất mà không cần sự tham gia của con người.

"*Tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) lần thứ 46 đã chính thức khai mạc tại thành phố Davos-Klosters của Thụy Sĩ, với chủ đề "Cuộc CMCN lần thứ 4", Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã đưa ra một định nghĩa mới, mở rộng hơn khái niệm Công nghiệp 4.0 của Đức. Nhân loại đang đứng trước một cuộc cách mạng công nghiệp mới, có thể thay đổi hoàn toàn cách chúng ta sống, làm việc và quan hệ với nhau. Quy mô, phạm vi và sự phức tạp của lần chuyển đổi này không giống như bất kỳ điều gì mà loài người đã từng trải qua*."

Hiện nay cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã vượt ra khỏi phạm vi của nước Đức mà đã lan rộng ra khắp thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xoay quanh 4 vấn đề chính là: nền tảng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và Internet kết nối vạn vật. Và cuộc cách công nghiệp 4.0 này đã tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống từ chính trị, kinh tế, sản xuất … và cả giáo dục.

- ***Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến sự phát triển của học liệu mở***

Công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi nền giáo dục của hầu hết các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới, nó làm thay đổi cách thức xây dựng nguồn lực thông tin trong các trường học. Khi mà giờ đây ngoài môi trường vật lý xã hội đã xuất hiện một loại môi trường mới là môi trường mạng hay còn gọi là không gian mạng. Trong môi trường mạng mọi người thể kết nối và chia sẻ với nhau một cách đa chiều. Phần mềm quản trị dữ liệu mã nguồn mở được sở dụng phổ biến hiện nay về kết nối và chia sẻ là phần mềm mã nguồn mở VUFIND do trường đại học Villanova phát minh năm 2010. Phần mềm này cho phép kết nối đến vô hạn các cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin trên một giao diện duy nhất. Tuy nhiên phần mềm này hiện nay đã bộc lộ nhiều vấn đề và sự tương tác của người sử dụng và khá cứng nhắc khi chưa cho phép người dùng phản hồi và chỉnh sửa các tài liệu.

Trong tương lai khi ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 rất có thể sẽ xuất hiện một phần mềm quản trị dữ liệu mới. Phần mềm đó sẽ cho phép người dùng khai thác vào cơ sở dữ liệu đồng thời sẽ cho phép người dùng tái cấu trúc lại, chỉnh sửa tài liệu sử dụng để tạo ra một sản phẩm của riêng mình rồi lại đính kèm vào tài liệu gốc ban đầu, người dùng tiếp theo khi truy cập vào sẽ thấy cả tài liệu gốc và tài liệu sau khi được chỉnh sửa. Người dùng mới có thể lại tiếp tục chỉnh sửa rồi lại đính kèm tài liệu của mình vào bản tài liệu sử dụng đó và các người dùng tiếp theo cứ tiếp tục như vậy. Từ đó sẽ tạo ra một hệ sinh thái thông tin tương tác đa chiều, các tài liệu tích hợp thành các file nén, thúc đẩy sự liên kết, chia sẻ thông tin trong cộng đồng.

Sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 dựa trên nền tảng công nghệ số, dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo song hành với sự phát triển của học liệu mở tạo ra nguồn tài nguyên thông tin đa dạng, phong phú phục vụ giảng dạy và học tập của sinh viên giảng viên các trường Đại học.

1.3.3 Bối cảnh xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức

Từ cuối thập niên 80 của thế kỷ trước với sự phát triển lớn mạnh của thông tin và công nghệ nhân loại đang dần bước sang một hình thức xã hội mới là xã hội thông tin, nền kinh tế tri thức hay xã hội tri thức, xã hội hậu công nghiệp. Thông tin trở thành một nguồn lực quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, tổ chức. Có nhiều định nghĩa về xã hội thông tin với nhiều khía cạnh khác nhau:

Theo tổ chức UNESCO:

"*Xã hội thông tin là một phần sẵn có của cuộc sống và là trung tâm của hoạt động kinh tế. Nếu chúng ta sử dụng fax/e-mail là chúng ta đã đặt một ngón chân trong xã hội thông tin. Nếu chúng ta lướt trên World Wide Web là chúng ta đã đặt cả bàn chân trong xã hội thông tin. Nếu chúng ta làm việc, học tập và giao tiếp với đồng nghiệp thông qua mạng là chúng ta đang ở trong xã hội thông tin*."

Theo giáo sư Nick Moore đã mô tả đặc trưng của xã hội thông tin:

"*Xã hội thông tin sử dụng thông tin như là một nguồn lực kinh tế để tăng hiệu quả, khuyến khích sáng tạo và tăng tính cạnh tranh. Công chúng sử dụng thông tin nhiều hơn để tăng cường sự lựa chọn với tư cách là người tiêu dùng, họ khai thác các dịch vụ công cộng và cải thiện chất lượng sống của mình"*

Nền kinh tế tri thức có thể được hiểu là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đặc trưng của xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức là:

Thứ nhất, tất cả mọi hoạt động đời sống xã hội đều dựa trên những thông tin có được. Mỗi một hoạt động sống đều được dựa trên thông tin để đưa ra quyết định. Điều này được thể hiện một cách cụ thể như việc chúng ta xem, cập nhật các thông tin hàng ngày trên các phương tiện truyền thông mạng xã hội hay các phương tiện truyền thông đại chúng.

Thứ hai, nền kinh tế chủ yếu dựa vào tài nguyên thông tin và trí thức, giá trị thặng dư của mỗi một sản phẩm, dịch vụ chủ yếu dựa vào hàm lượng tri thức chứa trong mỗi sản phẩm, dịch vụ đó. Điều này được thể hiện trong mọi lĩnh vực khi mà

giá cả của các sản phẩm tạo ra trên thị trường chủ yếu được định bằng hàm lượng tri thức của cá nhân, tổ chức tạo ra sản phẩm đó.

Thứ ba, ứng dụng các thành tựu công nghệ cao. Khoa học công nghệ ngày nay đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp tạo ra của cải vật chất trong xã hội. Mọi lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, giáo dục … đều cần được ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa sản xuất và cải thiện năng suất lao động.

Thứ tư, bản quyền và sở hữu trí tuệ trở thành vấn đề quan trọng. Trong xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức yếu tố cạnh tranh được đẩy mạnh bởi các tri thức, phát minh của cá nhân, tổ chức tạo ra kinh tế, uy tín của chính những cá nhân, tổ chức ấy.

Thứ năm, mọi hoạt động mang tính toàn cầu hóa. Xu thế toàn cầu hóa xuất hiện từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước. Trong bối cảnh xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức sự thay đổi của một quốc gia không chỉ ảnh hưởng bó hẹp trong phạm vi của quốc gia ấy mà còn có thể tác động đến toàn cầu. Ví dụ dễ thấy cho luận điểm này là những cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ, Đại hội lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam, Đại hội Đảng của Đảng cộng sản Trung Hoa, xung đột Nga-Ukraina, biến động chứng khoán Hoa Kỳ, đều tác động đến mọi lĩnh vực của toàn thế giới như chính trị, giá cả tiêu dùng, giá cả hàng hóa đặc biệt như vàng, dầu mỏ …

- ***Tác động đến sự phát triển của học liệu mở***

Trong xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức, thông tin giữ vai trò quan trọng nó quyết định tới sự sinh tồn và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Trong lĩnh vực giáo dục thông tin càng trở nên quan trọng, nó làm tăng hiểu biết của con người về thế giới quan, năng cao trình độ của giảng viên, học viên trong quá trình giảng dạy và học tập. Nó đã làm thay đổi hệ thống giáo dục của tất cả mọi quốc gia từ những quốc gia có nền giáo dục hàng đầu như Mỹ, Hà Lan … đến những quốc gia có nền giáo dục đang phát triển như Việt Nam, Lào … Trong bối cảnh xã hội thông với nền kinh tế tri thức học liệu mở càng trở nên quan trọng và phát triển theo hướng:

Thứ nhất. học liệu mở trở thành một nguồn lực chủ yếu để phục vụ cho quá trình nghiên cứu phát triển những sản phẩm, dịch vụ, tri thức mới trong xã hội. Khoa học có tính kế thừa nên các phát minh mới đều dựa trên những thông tin phát

kiến, nghiên cứu trước đó. Do vậy mà học liệu mở sẽ ngày càng được các quốc gia đầu tư phát triển để tạo những công dân tri thức góp phần vào sự phát triển, vị thế của mỗi một quốc gia.

Thứ hai, học liệu số. Ngày nay trong bối cảnh xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức việc ứng dụng công nghệ đã trở thành một xu thế tất yếu trong tất cả mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực giáo dục sự ứng dụng công nghệ được triển khai từ những năm 80 của thế kỷ trước cùng với sự phát triển của máy tính và mạng Internet. Ngay khi chiếc máy tính đầu tiên ra đời và sự xuất hiện của mạng ARPANET (Advanced Research Projects Agency) – sau này là mạng Internet từ giữa thế kỷ XX, người ta đã sử dụng ngay nó vào việc lưu trữ những thông tin quan trọng. Qua nhiều thập kỷ phát triển những chiếc máy tính điện tử và mạng Internet việc lưu trữ thông tin trong các cơ sở dữ liệu là một điều tất yếu hiện nay bởi sự tiện ích của nó. Học liệu mở khi được đưa lên môi trường mạng ở dạng học liệu số có thể dễ dàng chia sẻ, khai thác sử dụng với chỉ một lần kích chuột.

Thứ ba, bản quyền và sở hữu trí tuệ trở thành một vấn đề quan trọng. Học liệu mở là được phổ biến rộng rãi với bản quyền thuộc về cộng đồng. Luật pháp các quốc gia hiện nay hầu như vẫn chưa đề cập chi tiết đến học liệu mở, các thông tin, tài liệu được đóng góp cho cộng đồng vẫn chưa được bảo vệ chặt chẽ dẫn đến những sự thâu tóm của các cá nhân lợi dụng kẽ hở của pháp luật. Đồng thời những sự phức tạp, khó khăn trong thủ tục pháp lý ở một số các quốc gia về việc đóng góp tài liệu cho cộng đồng làm cho những cá nhân, tổ chức ngần ngại đóng góp những học liệu có giá trị của mình cho mọi người. Chính vì thế mà các quốc gia cần phải xây dựng được hành lang pháp lý chặt chẽ, quy định chi tiết các yếu tố của học liệu mở trên cơ sở các văn bản về học liệu mở của UNESCO để thúc đẩy học liệu mở phát triển rộng rãi, trở thành nguồn lực quan trọng của xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức.

Thứ tư, liên kết và chia sẻ. Trong xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức tính toàn cầu hóa được phát triển mạnh mẽ. Ta có thể thấy được điều này bằng việc ra đời của hàng loạt các tổ chức liên kết quốc tế về các lĩnh vực như WHO, WTO, UNESCO …. hay như các tổ chức liên kết quốc gia như Liên minh châu Âu-EU,

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á- ASEAN, … Các tổ chức liên kết này thức đẩy sự hợp tác của các quốc gia thành viên về các lĩnh vực chung như kinh tế, chính trị, giáo dục, …. Học liệu mở xuất hiện từ những năm 70 của thế kỷ trước và nó đã trở thành phong trào toàn cầu. Bởi vậy mà sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, tạo lập ra các học liệu mở chất lượng không những là xu thế tất yếu mà còn một điều cần thiết để phát triển quốc gia. Sự hợp tác, liên kết, chia sẻ học liệu mở không chỉ được nói ở trong các chương trình, hội nghị quốc tế mà nó cần được thực hiện tích cực trong mỗi một quốc gia. Đó là sự hợp tác của những cá nhân giảng viên, chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, giữa các thư viện trường học, giữa các viện nghiên cứu, để giảm thiểu chi phí tạo lập và chia sẻ học liệu mở xuống mức tối đa. Từ đó học liệu mở trở thành nguồn lực để các quốc gia trên thế giới xây dựng một nền giáo dục hiện đại, hội nhập và tiên tiến, đào tạo ra những công dân trí thức phát triển xã hội.

1.4 Vai trò của học liệu mở đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay

1.4.1 Trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong cuối những thập niên 20 của thế kỷ XXI, trên thế giới xuất hiện thuật ngữ "chuyển đổi số" do sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những vấn đề của nền tảng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet kết nối vạn vật. Nó đã trở thành một xu thế tất yếu của nhân loại trong thời đại mới và tất cả các quốc gia đều không thể nằm ngoài.

Có nhiều định nghĩa về "chuyển đổi số" theo những khía cạnh khác nhau. Theo Microsoft: "chuyển đổi số là một sự đổi mới kinh doanh được thúc đẩy bởi sự bùng nổ của đám mây, trí tuệ nhân tạo và Internet kết nối vạn vật, cung cấp những cách mới để hiểu, quản lý và chuyển đổi cho các hoạt động kinh doanh".

Theo một cách hiểu đơn giản thì chuyển đổi số là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một tổ chức, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của doanh nghiệp đó cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh.

Thuật ngữ "Chuyển đổi số" (Digital Transformation) có thể dễ bị nhầm lẫn với khái niệm "Số hóa" (Digitizing). Để phân biệt hai khái niệm này, có thể hiểu rằng "Số hóa" là quá trình hiện đại hóa, chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống

kỹ thuật số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng analog sang phát sóng kỹ thuật số...); trong khi đó, "Chuyển đổi số" là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và tạo ra các giá trị mới hơn. Có thể xem "Số hóa" như một phần của quá trình "Chuyển đổi số"

Chuyển đổi số đã tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đóng góp vào sự tăng trưởng GDP của mỗi quốc gia. Theo nghiên cứu của Mckensey đã dự đoán rằng vào năm 2025 thì mức độ tác động của chuyển đổi số tới GDP của nước Mỹ là khoảng 25%, với Brazil là khoảng 35% và với các nước châu Âu là khoảng 36%. Như vậy có thể thấy được rằng mức độ tác động của chuyển đổi số tới sự phát triển của mỗi quốc gia là rất lớn.

Tại Việt Nam, Đảng và Chính phủ cũng đã có những nhận thức đúng đắn về vấn đề chuyển đổi số quốc gia. Ngày 22/4, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 505/QĐ-TTg lấy ngày 10 tháng 10 hàng năm là ngày chuyển đổi số quốc gia. Trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số cũng là một yêu cầu tất yếu của thời đại. Chuyển đổi số trong giáo dục được coi như là sự mở đường cho công cuộc hình thành một chính phủ số, xã hội số. Chuyển đổi số tạo ra sự chủ động trong học tập và giảng dạy, nâng cao được chất lượng giáo dục. Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 749/QĐ-TTg về phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Nội dung của chương trình đã chỉ rõ:

"Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập cả hình thức trực tuyến và trực tiếp. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh trước khi đến lớp." [9]

Trong chuyển đổi số, học liệu mở hay có thể được biết đến là học liệu số được coi là nguyên liệu, nền tảng của công cuộc chuyển đổi số. Điều này được thể hiện trong thời điểm đất nước đối mặt với đại dịch Covid 19. Khi đó các trường học buộc phải đóng cửa để thực hiện giãn cách và chuyển sang đào tạo trực tuyến từ xa. Những học viên lúc này không thể tiếp cận đến được những học liệu truyền thống của nhà trường và học liệu mở - học liệu số là một giải pháp không thể tuyệt vời hơn với các học viên. Điều này không chỉ ở trong lĩnh vực giáo dục mà còn thể hiện ở nhiều lĩnh vực khác với mô hình làm việc trực tuyến. Chỉ với một thiết bị kết nối mạng thì các học viên, công nhân viên có thể truy cập, chia sẻ những thông tin, học liệu chất lượng cho học tập và làm việc.

Sau khi đại dịch Covid 19 được kiểm soát, các hoạt động sống dần trở lại bình thường nhưng học liệu mở không những không bị lãng quên mà ngày càng được phổ biến rộng rãi bởi những lợi ích mà nó đem lại. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay học liệu mở đã khẳng định được vai trò quan trọng của mình. Nó trở thành một nguồn lực không thể thiếu để chuyển đổi số, là nguyên liệu đầu vào để tạo ra những công dân số, những trí thức số và xây dựng Chính phủ số, xã hội số.

1.4.2 Trong bối cảnh chuyển đổi giáo dục

Từ cuối những năm 70 của thế kỷ trước với sự phát triển vũ bão của công nghệ đã dẫn đến những sự thay đổi của hệ thống giáo dục của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam tư tưởng giáo dục truyền thống với những khuôn mẫu cứng nhắc đã được hình thành và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử. Nhưng giờ đây trong bối cảnh của chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0, bùng nổ thông tin toàn cầu, phương thức giáo dục này đã dần trở nên không phù hợp với thời đại. Do đó mà sự chuyển đổi giáo dục của Việt Nam từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục tiên tiến, bắt kịp với xu hướng của thời đại là một điều tất yếu phải được diễn ra.

Giáo dục truyền thống của Việt Nam là giáo dục lấy người dạy làm trung tâm của giáo dục. Phương pháp giáo dục này đã có những thành công nhất định, thậm chí là rực rỡ trong suốt thời kỳ phong kiến ở Việt Nam. Nhưng bước sang thế kỷ XXI, phương pháp giáo dục này đã xuất hiện nhiều bất cập. Giáo dục truyền thống coi người dạy là trung tâm do đó những kiến thức giảng viên cung cấp được coi là

chuẩn, là chính xác. Điều này dẫn đến sự ỉ nại, phụ thuộc bị động của học viên, làm giảm đi sự tự tin, sáng tạo của họ. Thực tế đã chứng minh rằng những kiến thức mà giảng viên truyền tải không phải luôn luôn đúng. Nhất là trong bối cảnh xã hội hiện nay, một xã hội thay đổi cực kỳ nhanh chóng và liên tục. Những kiến thức, kỹ năng mà giảng viên truyền tải tại thời điểm giảng dạy được coi là đúng nhưng khi bước khỏi ghế nhà trường những kiến thức, kỹ năng đó lại không đáp ứng những thay đổi từ thực tiễn.

Giáo dục tiên tiến hay giáo dục mở - một giải pháp tiên tiến của thời đại mới, giải quyết những rào cản lối mòn của giáo dục truyền thống. Mô hình này đã và đang được triển khai ở nhiều trường đại học hàng đầu tại Việt Nam như Trường đại học VINUNI, Trường Đại học RMIT, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Mở TP.HCM, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn … Giảng viên giờ đây không còn đóng vai trò quyết định nữa mà chuyển sang vai trò của một người hướng dẫn học viên. Học viên giờ đây hoàn toàn chủ động trong việc học tập theo những hướng dẫn của giảng viên. Trong mô hình giáo dục mở học viên buộc phải chủ động nghiên cứu những vấn đề học tập và trao đổi những thắc mắc và vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu. Những kỹ năng mà người học viên cần phải rèn luyện trong mô hình giáo dục mở là kỹ năng tư duy phản biện hay còn gọi là tư duy độc lập, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng học tập suốt đời … Những kỹ năng này cùng với những kiến thức nghiên cứu của bản thân sẽ giúp học viên thích ứng được những biến đổi nhanh chóng của môi trường bên ngoài khi rời khỏi giảng đường.

Tóm lại trong bối cảnh hiện nay sự chuyển đổi giáo dục của Việt Nam từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục mở - giáo dục tiên tiến là một yêu cầu tất yếu. Và trong sự chuyển đổi này cần phải có nhân lực chuyển đổi và nguyên liệu để chuyển đổi. Học liệu mở chính là nguyên liệu để thực hiện sự chuyển đổi giáo dục này. Bởi sự nghiên cứu học tập của học viên cần phải dựa trên các học liệu, các kiến thức, thông tin về vấn đề nghiên cứu trước đó. Khoa học có tính kế thừa, hầu như tất cả những nghiên cứu từ đơn giản đến phức tạp đều dựa

trên các thông tin có được trước đó. Học liệu mở còn giúp cho học viên rèn luyện các kỹ năng học tập suốt đời, kỹ năng tư duy độc lập...

Do đó có thể khẳng định rằng học liệu mở là nền tảng của sự chuyển đổi giáo dục. Nó là yếu tố quan trọng dẫn đến sự hình thành mô hình giáo dục tiên tiến – lấy người học làm trung tâm.

1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển học liệu mở

1.5.1 Nhận thức xã hội về học liệu mở

Học liệu mở mặc dù đã phát triển khá lâu trên thế giới, cũng như trong sự phát triển của nó tại Việt Nam với những hình thức khác nhau. Nhưng hiện nay số đông cá nhân, tập thể vẫn chưa có đầy đủ thông tin về học liệu mở và chưa hiểu rõ về nó. Sự thiếu chủ động của sinh viên trong học tập và vấn đề bản quyền là những vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất về học liệu mở có nên được chú trọng phát triển hay không. Một số sinh viên tại các trường vẫn chưa nhận thức được đúng vị trí của mình trong nền giáo dục mở hiện nay, chưa có sự chủ động trong nghiên cứu các vấn đề học tập dẫn đến các kết quả học tập không cao. Điều này dẫn đến câu hỏi đặt ra cho lãnh đạo các trường có nên đầu tư phát triển học liệu mở và học liệu mở có thực sự hiệu quả, cải thiện chất lượng giảng dạy. Thêm nữa là vấn đề bản quyền khi chia sẻ học liệu, liên kết các trường Đại học. Các tác giả, lãnh đạo các trường lo sợ về việc rò rỉ thông tin, bị chiếm đoạt tác phẩm, dẫn đến sự không muốn tham gia vào phát triển học liệu mở. Nếu không thay đổi, giải quyết được những vấn đề về nhận thức này gần như không thể phát triển được học liệu mở một cách hiệu quả.

1.5.2 Chính sách về học liệu mở

Học liệu mở là phi kinh tế, phi lợi nhuận. Vậy vấn đề được đặt ra là lợi ích của các bên tham gia vào học liệu mở là gì. Nếu không có lợi ích kinh tế thì đâu là lý do mà các bên liên quan cần phải tham gia vào phát triển học liệu mở. Các chính sách về học liệu mở của chính phủ hiện nay chưa giải quyết được những vấn đề này. Các văn bản chính phủ về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các bên tham gia vào học liệu mở chưa được ban hành và đi vào thực tiễn. Các công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện bằng vốn nhà nước phải chăng nên cần được đưa vào học

liệu mở. Do đó chính sách về học liệu mở không cụ thể, chi tiết, không giải quyết được những yêu cầu thực tiễn sẽ chẳng thể thúc đẩy được học liệu mở phát triển.

1.5.3 Ứng dụng công nghệ

Công nghệ ngày nay đã phát triển hết sức mạnh mẽ và nhanh chóng, tác động đến mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội và đem lại những hiệu quả vô cùng to lớn. Trong lĩnh vực giáo dục cùng cần phải được ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và phát triển các tài nguyên học tập. Khi ứng dụng công nghệ vào học liệu mở sẽ tăng được sự khai thác, tạo lập và chia sẻ học liệu mở một cách hiệu quả. Các học liệu mở tồn tại ở dạng số được tổ chức thành các cơ sở dữ liệu sau đó chia sẻ lên trên Internet và cộng đồng chỉ cần một thiết bị có kết nối Internet là có thể truy cập vào những cơ sở dữ liệu về học liệu mở để sử dụng, phát sinh rồi lại đóng góp những tác phẩm phái sinh đó đính kèm với tác phẩm gốc. Song song với khả ứng dụng công nghệ, việc sử dụng các toán tử tìm kiếm và sử dụng học liệu mở cũng là vấn đề cần được xem trọng. Bởi học liệu mở đa dạng về nội dung và ngôn ngữ thể hiện, đặc biệt là các ngôn ngữ quốc tế như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung …. Nếu người sử dụng không có trình độ cao về ngoại ngữ và kỹ năng tìm tin sẽ mất nhiều thời gian tìm kiếm OCW phù hợp cũng như dễ sai sót trong dịch học OCW dẫn đến ý nghĩa nội dung sai với bản gốc.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HỌC LIỆU MỞ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

2.1 Thực trạng thu thập học liệu mở tại các trường Đại học

2.1.1 Nhân lực thực hiện công tác thu thập học liệu mở

Học liệu mở mặc dù đã phát triển mạnh mẽ từ những năm 70 của thế kỷ trước nhưng phải đến những thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI học liệu mở mới thực sự phát triển tại Việt Nam. Qua điều tra nhanh bằng bảng hỏi tại các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội được khảo sát, trong 200 cá nhân tham gia có đến 99 câu trả lời chiếm gần 50% có biết đến sự tồn tại và phát triển học liệu mở. Trong đó chỉ có 32 câu trả lời chiếm 16% đang sử dụng và phổ biến nó với cộng đồng. Ta có thể thấy được rằng việc áp dụng học liệu mở trong giảng dạy tại các trường còn tương đối hạn chế.

Tôi chưa từng tìm hiểu nên không biết đó là gì (33 câu trả lời)

Lần đầu tiên nghe đến (68 câu trả lời)

Có biết đến nhưng chưa quan tâm và tìm hiểu sâu (67 câu trả lời)

Tôi có dùng và khuyến khích mọi người dùng (32 câu trả lời)

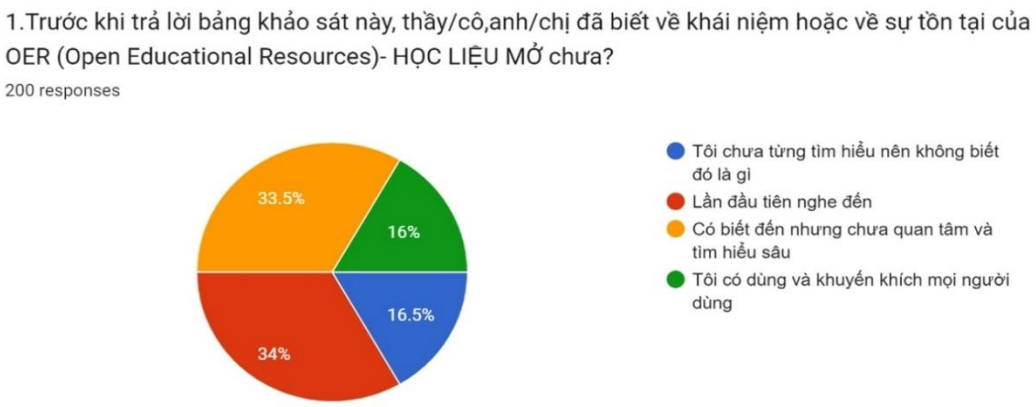

Biểu đồ 1: Kết quả điều tra khảo sát câu hỏi số 1

Theo khảo sát tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, trong 6 ngôi trường đại học được chọn làm mẫu khảo sát có 3 trường đã phát triển được nguồn học liệu mở một cách khoa học, hiện đại: Đại học RMIT, Đại học VINUNI, Đại học Bách Khoa Hà Nội. Tại các trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Văn hóa Hà Nội; học liệu mở không được tổ chức thành một

hệ thống mà mới ở những hình thức ban đầu, một số học liệu mở của giảng viên và học liệu mở giảng viên tiếp cận được chia sẻ với sinh viên trong quá trình giảng dạy môn học.

Tại 3 trường đại học đã phát triển nguồn học liệu mở; học liệu mở được tổ chức tại các Thư viện Trường học và qua trao đổi với các Thư viện, nhân lực thực hiện công tác thu thập học liệu mở là nhân viên tại bộ phận bổ sung tài liệu của thư viện. Trước khi thực hiện triển khai xây dựng, các Thư viện đã tổ chức các khóa đào tạo về học liệu mở. Trong các khóa đào tạo này nhân viên thư viện sẽ được đào tạo về các vấn đề trọng tâm của học liệu mở, nguyên lý của học liệu mở, phạm vi cộng đồng, giấy phép CC, các nguồn học liệu mở chất lượng và các phương pháp để thu thập học liệu mở một cách khoa học, hiệu quả và phù hợp.

2.1.2 Chính sách thu thập học liệu mở

Học liệu mở là học liệu mà mọi người đều có thể sử dụng, chia sẻ và tạo lập. Do đó mà chính sách thu thập học liệu mở cần sáng tạo và phù hợp với từng trường. Học liệu mở vô cùng phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức thể hiện trên cả không gian vật lý và không gian mạng. Khi thu thập học liệu mở, mỗi trường cần xây dựng được một chính sách thu thập hiệu quả và phù hợp với chức năng của mình. Tại các trường Đại học được khảo sát học liệu mở được thu thập chủ yếu từ hai nguồn nội sinh và ngoại sinh. Thư viện các Trường học sẽ chủ động liên hệ với các giảng viên, học viên của Trường, các đối tác để truyền thông về học liệu mở để họ có thể đóng góp các học liệu mở của mình, đồng thời các thư viện cũng sẽ thu thập từ những nguồn học liệu mở của Việt Nam và quốc tế. Thực tế tại các trường đại học được khảo sát, đa số các trường mới phát triển học liệu mở từ sự chia sẻ của các tổ chức giáo dục trên thế giới, hầu hết các trường chưa phát triển nguồn học liệu mở nội sinh.

2.1.3 Phương pháp thu thập học liệu mở

Phương pháp thu thập học liệu mở tại các trường đại học được khảo sát, học liệu mở được thu thập trên không gian mạng và sự đóng góp nội sinh của trường. Nhân viên thư viện sẽ truy cập vào những trang web chính thức về học liệu mở của Việt Nam và quốc tế, rồi sau đó tải các học liệu có giấy phép mở CC phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo của trường. Tại Thư viện Tạ Quang Bửu qua trao đổi với cán bộ thư viện Trần Thị Tuyến – phụ trách phát triển học liệu mở cho biết Thư viện đã thu thập học liệu mở từ 14 trang web về học liệu mở phù hợp với chương trình đào tạo của Trường. Tính đến 5/7/2023 thư viện thu thập 1079 học liệu mở với 11 bộ sưu tập về các chuyên ngành đào tạo khác nhau của Trường.

STT	CSDL	Địa chỉ truy cập
1	Thư viện học liệu mở Việt Nam (VOER)	Thư viện học liệu mở Việt Nam (VOER)
2	Các văn bản pháp luật của Việt Nam	http://thuvienphapluat.vn/
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản luật	http://vbpl.vn/
4	Các tài liệu về nhiều lĩnh vực khác nhau	http://www.ebook.edu.vn/
5	Directory of Open Access Books	https://www.doabooks.org/
6	Directory of Open Access Journals	https://doaj.org/
7	Open Textbook Library	http://open.umn.edu/opentextbooks/
8	OpenAire	https://www.openaire.eu/
9	Open Education Consotium	http://www.oeconsortium.org/
10	OpenStax	https://openstax.org/
11	Thư viện số chuyên về Luận án MIT	http://dspace.mit.edu/
12	OpenLearn	http://www.open.edu/openlearn/
13	Truy cập sách mở về khoa học công nghệ	https://www.intechopen.com/
14	Bộ sưu tập Luận văn luận án mở	https://oatd.org/

Hình ảnh 3: Những trang web học liệu mở Thư viện Tạ Quang Bửu khai thác

Tại thư viện Trường Đại học VINUNI và Trường Đại học RMIT ngoài việc thu thập học liệu mở từ các trang web của Việt Nam và quốc tế, thư viện còn thu thập từ những người dùng tự do khi truy cập vào thư viện số. Người dùng có thể chia sẻ những tài liệu tương tự hoặc có nội dung liên quan đến học liệu đang truy cập. Người dùng có thể đăng ký trở thành một cộng tác viên về học liệu mở cho thư

viện. Phương pháp thu thập này đã làm giàu nguồn học liệu mở cho thư viện Trường Đại học VINUNI lên đến 10446 học liệu mở và ở Thư viện Trường Đại học RMIT là hơn 80 nghìn học liệu mở tính đến ngày 5/7/2023.

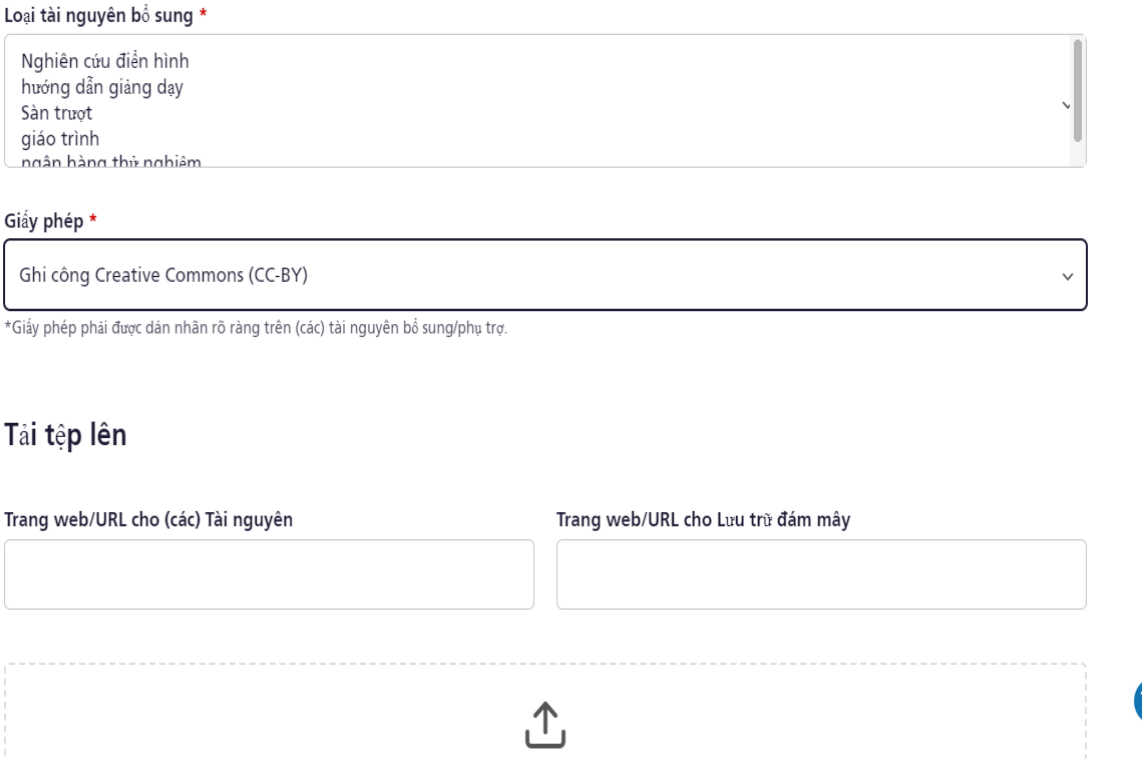

Hình ảnh 4: Phương pháp thu thập học liệu mở từ cộng đồng của trường Đại học VINUNI và trường Đại học RMIT

2.2 Thực trạng xử lý, tổ chức học liệu mở tại các trường Đại học

2.2.1 Nhân lực thực hiện quá trình xử lý, tổ chức học liệu mở

Xử lý, tổ chức học liệu mở là một khâu quan trọng tạo ra các cơ sở dữ liệu về học liệu mở để phổ biến đến người dùng. Tại các trường đã xây dựng được nguồn học liệu mở; nhân lực thực hiện quá trình xử lý, tổ chức học liệu mở là những nhân viên thư viện có chuyên môn, được đào tạo chính quy về ngành thông tin – thư viện. Do đó họ hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu về xử lý, tổ chức học liệu mở. Điều quan trọng nhất trong xử lý, tổ chức học liệu mở là giấy phép mở CC. Tại 3 trường Đại học RMIT, Đại học VINUNI, Đại học Bách Khoa Hà Nội các cán bộ thư viện đều tuân thủ những quy định trên giấy phép CC khi tổ chức học liệu mở vào hệ thống của Thư viện trường.

2.2.2 Phương tiện, kỹ thuật xử lý, tổ chức học liệu mở

Phương tiện, kỹ thuật trong xử lý, tổ chức thông tin là yếu tố quan trọng của quá trình này. Nó sẽ đảm bảo cho việc xử lý, tổ chức thông tin có hiệu quả cao. Tại thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội qua trao đổi với thủ thư của thư viện thì việc xử lý, tổ chức thông tin số được tuân theo chuẩn biên mục mô tả AACR2 và khổ mẫu biên mục MARC 21 đối với các tài nguyên thông tin số. Còn tại Thư viện Tạ Quang Bửu, Thư viện Đại học VINUNI, Thư viện Đại học RMIT học liệu mở được xử lý, tổ chức theo chuẩn biên mục mô tả AACR2 và khổ mẫu biên mục Dublin Core.

2.3 Thực trạng phổ biến học liệu mở tại các trường Đại học

2.3.1 Nhân lực thực hiện phổ biến học liệu mở

Phổ biến là khâu cuối cùng trong quy trình thông tin về học liệu mở để người dùng có thể truy cập và sử dụng được học liệu mở phục vụ cho nhu cầu của mình. Tại các trường người thực hiện phổ biến học liệu mở là nhân viên thư viện và các giảng viên bộ môn. Các cán bộ thư viện đăng các bài viết về học liệu mở trên các trang web của thư viện, giảng viên bộ môn đưa học liệu mở vào trong môn học kết hợp với thư viện hướng dẫn học viên khai thác những học liệu mở phù hợp với môn học.

2.3.2 Chính sách phổ biến học liệu mở

Tại các trường việc phổ biến thông tin chia theo nhiều mức độ khác nhau. Chính sách dành cho giảng viên, chính sách dành cho sinh viên, chính sách dành cho người ngoài cơ quan … Nhưng với học liệu mở, tất cả mọi người là bình đẳng thế nên đa số các trường dục đều phổ biến học liệu mở đến tất cả mọi người biết đến trường ấy. Các Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học VINUNI, Trường Đại học RMIT đều phổ biến, lưu trữ học liệu mở qua thư viện số của Trường và mọi người khi truy cập đến thư viện số đều có thể sử dụng các học liệu mở đó theo từng giấy phép CC được đi kèm tài liệu. Tuy nhiên trên thực tế khi thực hiện khảo sát nhóm nghiên cứu lại nhận thấy không hoàn toàn như vậy. Một số trường lại hạn chế việc chia sẻ và sử dụng học liệu mở đối với sinh viên của Trường dù những học liệu mở ấy được tác giả gắn giấy phép mở CC.

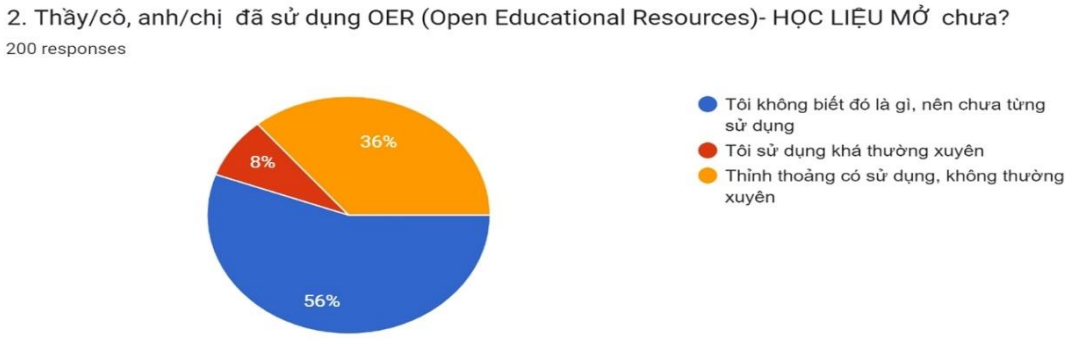

Biểu đồ 2: Kết quả khảo sát câu hỏi số 2

Trong khảo sát bảng hỏi, khi được hỏi về việc sử dụng học liệu mở trong 200 cá nhân tham gia chỉ có 16 câu trả lời chiếm 8% sử dụng học liệu mở một cách khá thường xuyên nhưng lại có đến 112 câu trả lời chiếm 56% chưa từng sử dụng học liệu mở và 72 câu trả lời chiếm 36% thỉnh thoảng sử dụng học liệu mở. Điều đó cho thấy phổ biến học liệu mở tại các trường chưa được hiệu quả cao, học liệu mở chưa được sử dụng nhiều trong học tập và giảng dạy tại các trường Đại học trên Hà Nội.

2.3.3 Các phương tiện phổ biến học liệu mở

Các trường thực hiện phổ biến thông tin với nhiều hình thức khác nhau nhằm đáp ứng được với từng đặc thù. Tại các trường đại học RMIT, VINUNI, Đại học Bách Khoa Hà Nội việc phổ biến học liệu mở đều được thực hiện qua thư viện số kết hợp với nhiều hình thức khác nhau như qua các bài giảng dạy của giảng viên, tổ chức hướng dẫn khai thác sử dụng học liệu mở qua các buổi học ngoại khóa, khai thác thư viện Trường học, …. Tại Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; trong mỗi năm học nhà trường đều tổ chức các buổi hướng dẫn khai thác, sử dụng thư viện cho các bạn sinh viên trong các buổi học ngoại khóa, các bài viết trên trang web của thư viện … Qua trao đổi với học viên tại các trường khi thực hiện làm các bài tập, các học viên tìm tài liệu theo nhiều hướng khác nhau. Đối với các sinh viên các trường đại học RMIT, đại học VINUNI, Đại học Bách Khoa Hà Nội do Thư viện trường phát triển được nguồn học liệu mở đa dạng, chất lượng, có đầy đủ học liệu về tất cả môn học trong chương trình nên khi có nhu cầu tin thì họ tìm kiếm chủ yếu trên thư viện trường học, các mối quan hệ trong trường học và các trang web mà họ

biết. Đối với sinh viên tại các trường còn lại, nguồn học liệu trên thư viện hạn chế, học liệu mở không được phát triển. Nhiều học liệu có giá trị khoa học cao không được phổ biến tới sinh viên, một số môn học không có học liệu trên thư viện. Sinh viên phải dựa vào các mối quan hệ trong trường học và ngoài xã hội, tìm kiếm các học liệu bên ngoài, gặp nhiều vấn đề trong nghiên cứu môn học.

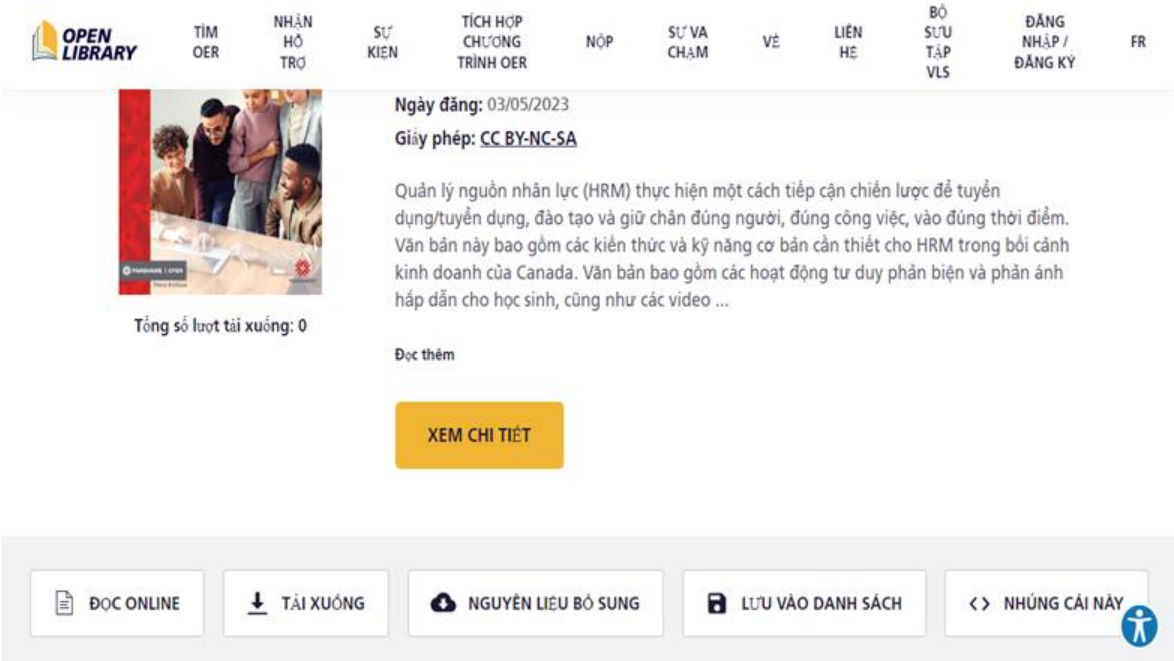

Hình ảnh 5: Phổ biến học liệu qua thư viện số tại trường Đại học VINUNI

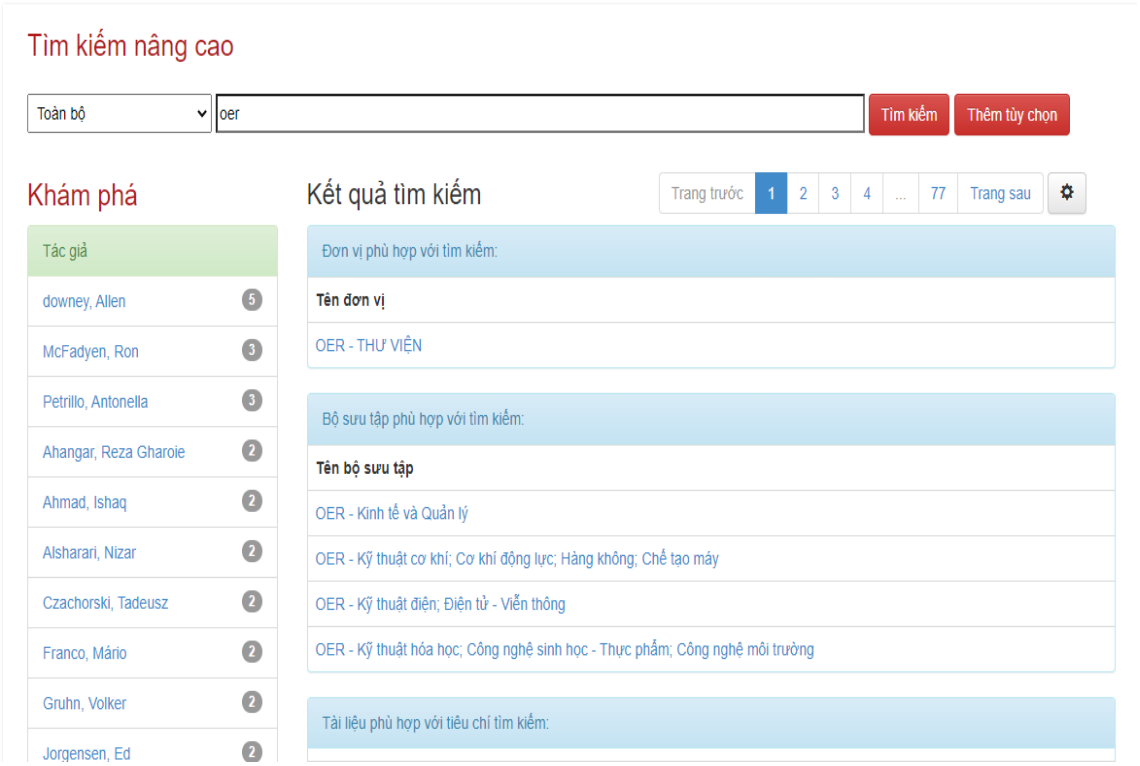

Hình ảnh 6: Phổ biến học liệu mở qua thư viện số tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

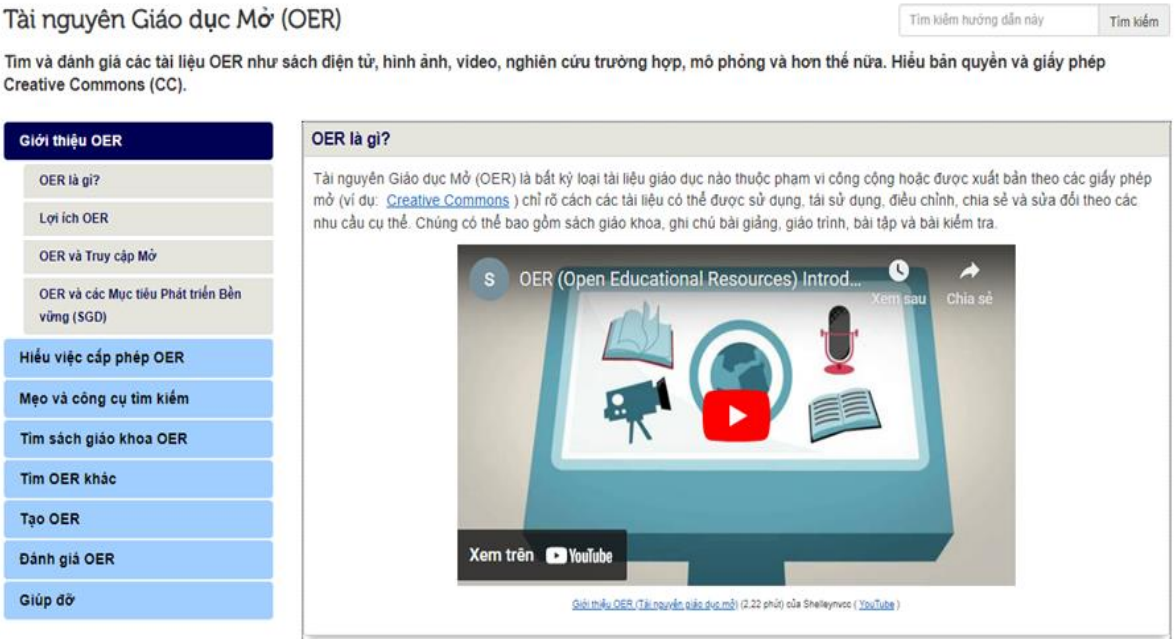

Hình ảnh 7: Phổ biến học liệu mở qua thư viện số tại trường Đại học RMIT

2.4 Đánh giá

Ngoài những vấn đề thu thập, xử lý, tổ chức và phổ biến học liệu mở để hiểu sâu hơn thực trạng học liệu mở tại các trường, một cuộc khảo sát nhanh bằng bảng hỏi đã được thực hiện.

Biểu đồ 3: Kết quả khảo sát câu hỏi số 3

Từ biểu đồ số 3 có thể thấy còn nhiều người dùng tin tại các trường đại học khi sử dụng học liệu ít quan tâm đến các vấn đề bản quyền chiếm tới 44%. Điều này dẫn đến nhiều rủi ro cho người dùng tin khi sử dụng học liệu mà không chú trọng bản quyền, người dùng tin hoàn toàn có thể bị kiện, tranh chấp bản quyền ... Thực trạng này phổ biến nhiều ở sinh viên các trường đại học, khi sử dụng học liệu các sinh viên không chú ý đến các vấn đề bản quyền của tài liệu. Trên thực tế nhiều trường đại học và ngoài đại học đã xảy ra nhiều các vụ kiện liên quan đến bản quyền, đạo văn, ăn cắp ý tưởng … Nhiều trường đại học không thể thực hiện số hóa các tài liệu do những cản trở của vấn đề bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ. Những tài liệu có thể số hóa hợp pháp chỉ có thể là những tài liệu đã hết thời hạn bản quyền và số ít các tài liệu được tác giả cho phép. Do đó thư viện số tại các trường đại học khó phát triển nếu không giải quyết được vấn đề bản quyền của học liệu.

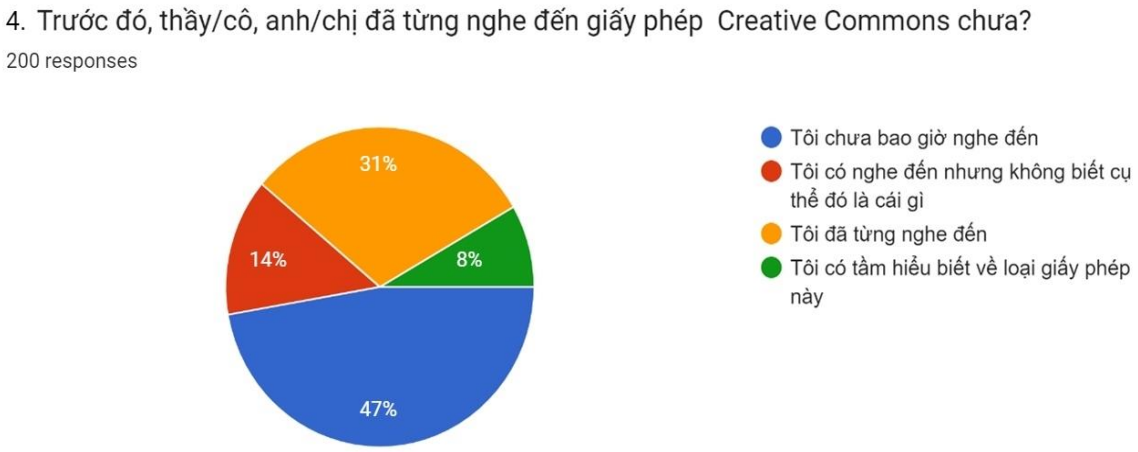

Biểu đồ 4: Kết quả khảo sát câu hỏi số 4

Giấy phép mở Creative Commons là một loại giấy phép bản quyền trái mới xuất hiện từ những năm cuối của thế kỷ trước để giải quyết những vấn đề bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ. Tại Việt Nam loại giấy phép này chưa phổ biến rộng rãi. Tại biểu đồ số 4 qua 200 câu trả lời nhận lại tại 6 trường, có 47% chưa từng nghe đến loại giấy phép này, 45% từng nghe qua nhưng chưa tìm hiểu, 8% có tìm hiểu về loại giấy phép này. Lượng ít người dùng tin tại 6 trường đại học tìm hiểu về loại giấy phép này chiếm 8% đồng nghĩa với sự phát triển học liệu mở nội sinh tại các trường còn thấp.

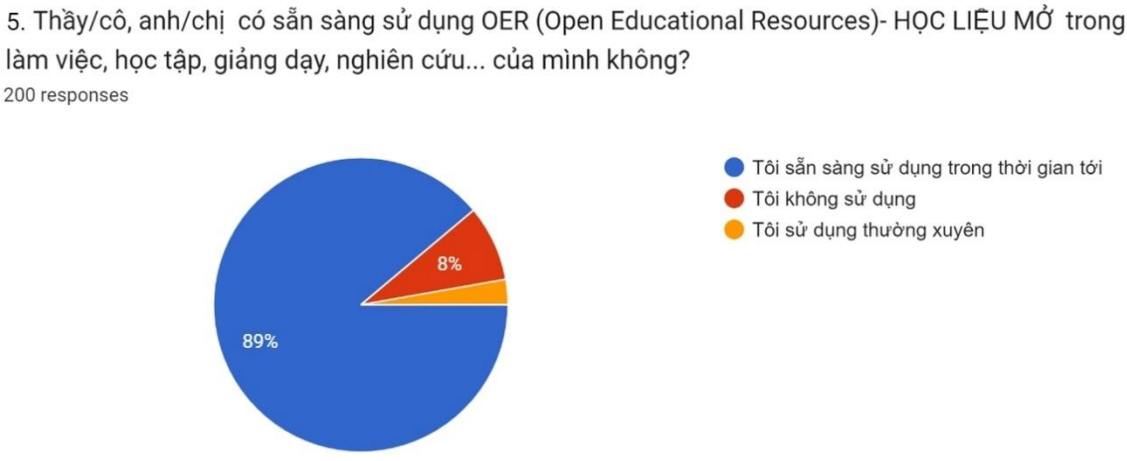

Biểu đồ 5: Kết quả khảo sát câu hỏi số 5

Ở biểu đồ số 5 trong 200 câu trả lời chỉ có 3% sử dụng học liệu mở một cách thường xuyên và có tới 89% có nhu cầu sử dụng học liệu mở trong thời gian tới. Nhu cầu sử dụng học liệu mở của người dùng tin tại các trường đại học ở mức

cao. Khi học liệu mở được phát triển sẽ được nhiều người dùng tin tại các trường đại học sử dụng làm đa dạng hóa nguồn học liệu của trường.

- **Nhận xét**

Qua nghiên cứu, khảo sát thực trạng học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội thấy được rằng học liệu mở hiện nay đang dần được hình thành và phát triển tại Việt Nam - đặc biệt phát triển mạnh tại Trường Đại học RMIT, Đại học VINUNI và đang dần phát triển tại Đại học Bách Khoa Hà Nội. Tuy nhiên tại một số các Trường đại học như Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã Hội và Nhân Văn, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân chưa có những sự đầu tư phát triển học liệu mở một cách khoa học và hiệu quả. Chính vì thế mà các Trường Đại học này đã không phát triển được những nguồn học liệu mở chất lượng để phục vụ cho sinh viên, giảng viên trong trường. Đối với các trường Đại học việc sinh viên tự học, tự nghiên cứu là một điều tất yếu, thường xuyên và liên tục. Bởi vậy việc phát triển học liệu mở theo từng chuyên ngành học trở thành điều bắt buộc cần diễn ra trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Việc tổ chức phổ biến học liệu mở ở Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội là mô hình phù hợp với khối các trường đại học và dễ thực hiện triển khai. Học liệu mở được tổ chức thành từng bộ sưu tập, mỗi một chuyên ngành đào tạo là một bộ sưu tập, mỗi một môn học sẽ có một bộ sưu tập con nhỏ hơn. Trong phương pháp thu thập học liệu mở phương pháp thu thập học liệu của Trường Đại học VINUNI là phương pháp khoa học, hiện đại, khai thác được tối đa sự chia sẻ học liệu từ cộng đồng. Tuy nhiên vấn đề phổ biến học liệu mở và việc tuân thủ giấp phép CC lại là vấn đề phức tạp nhất. Tại trường Đại học Văn hóa Hà Nội, cán bộ thư viện thu thập một số học liệu mở từ bên ngoài đưa vào hệ thống của thư viện, khi sinh viên đến sử dụng chỉ được phép sử dụng tại chỗ không được chia sẻ ra bên ngoài như những ghi chú của giấy phép CC được gắn kèm với tài liệu. Trong 6 trường đại học chọn làm mẫu khảo sát, trường Đại học RMIT là trường phát triển nguồn học liệu mở hiệu quả nhất. Thư viện trường có nguồn học liệu mở phong phú với hơn 80 nghìn học liệu mở ở nhiều hình thức văn bản, video … về các môn học, chuyên ngành đào tạo của trường, các bài viết tìm hiểu về OCW.

Trong bản kế hoạch hành động quốc gia của Mỹ về chính phủ mở có nói: “Học liệu mở là một sự đầu tư cho phát triển con người một cách bền vững. Học liệu mở giúp tang cường khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao và làm giảm giá thành của giáo dục trên toàn thế giới” [6]. Tri thức là chung của nhân loại và tri thức cần được chia sẻ, đây là quan điểm cốt lõi của OCW được các trường Đại học và Học viện khắp nơi trên thế giới hưởng ứng nhằm xây dựng và khai thác OCW một cách tối ưu nhất. Việc sinh viên sử dụng các học liệu mở có giá trị trên Internet của các trường Đại học và các nguồn OCW trên thế giới sẽ giúp nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu của họ. Qua kết quả khảo sát, học liệu mở tại các trường Đại học hiện nay phần lớn là các học liệu mở quốc tế. Điều này tạo ra một thách thức lớn về khả năng sử dụng học liệu mở của những sinh viên không có trình độ cao về các ngôn ngữ quốc tế. Do đó các trường Đại học trên Hà Nội cần phải thực hiện dịch các tài liệu mở bằng ngôn ngữ quốc tế về tiếng Việt song song với việc nâng cao trình độ ngoại ngữ của sinh viên.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU MỞ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

3.1 Căn cứ đề xuất giải pháp

3.1.1 Kết quả nghiên cứu chương 1

Chương 1 đã làm rõ những vấn đề lý luận về học liệu mở. Học liệu mở cần được phát triển ở dạng học liệu số để thuận lợi trong chia sẻ và sử dụng. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, chuyển đổi số quốc gia và cuộc cách mạng công nghệ 4.0 là những yếu tố thúc đẩy sự phát triển học liệu mở. Học liệu mở có nguồn nguyên liệu tạo lập phong phú, đa dạng, vô tận. Những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 tạo ra những thuận lợi phát triển học liệu mở về công nghệ, sự liên kết, kết chia sẻ của cộng đồng. Học liệu mở đã phát triển mạnh trên thế giới với nhiều nguồn chất lượng như OCW của MIT với nhiều bộ sưu tập phù hợp với từng đối tượng người dùng. Việt Nam cần thúc đẩy học liệu mở phát triển trong nước không chỉ trong lĩnh vực giáo dục mà còn nên phát triển ở nhiều lĩnh vực khác thúc đẩy hình thành chính phủ mở, kinh tế mở …. OCW được đầu tư phát triển sẽ giải quyết các vấn đề bản quyền trong chuyển đổi số quốc gia, khắc phục những hạn chế của giáo dục truyền thống trong nước thúc đẩy sự chuyển đổi sang nền giáo dục tiên tiến – giáo dục mở cho nền giáo dục nước nhà trong tương lai. Đồng thời chương 1 nêu ra một số yếu tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển của học liệu mở. Khắc phục những yếu tố này sẽ thúc đẩy phát triển mạng lưới học liệu mở tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hướng tới sự phát triển mạng lưới học mở toàn quốc.

3.1.2 Kết quả nghiên cứu chương 2

Chương 2 phác họa phần nào bức tranh học liệu mở một cách thực tiễn tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Qua nghiên cứu thấy được những thuận lợi, hạn chế thực tiễn tổ chức học liệu mở tại các trường đại học. Phương pháp thu thập học liệu mở của Trường đại học VINUNI và Trường Đại học RMIT Việt Nam là phương pháp thu thập khoa học, phương pháp này đã giúp hai Trường xây dựng được nguồn học liệu mở đa dạng hình thức, nội dung, nguồn cung cấp. Trường Đại học RMIT Việt Nam là ngôi trường đại học đầu tiên phát triển học liệu mở từ năm 2010, hơn 13 năm phát triển trên Thư viện số của Trường có hơn 80000 học liệu mở với nhiều loại hình thức văn bản và phi văn bản, ngôn ngữ trong nước và ngôn ngữ quốc tế. Trường Đại học VINUNI là ngôi trường tư mới được xây dựng và hoạt

động từ năm 2020, với nguồn lực mạnh về vật chất và con người trong Trường đã chú trọng phát triển nguồn học liệu mở ngay từ những ngày đầu tiên hoạt động. Tính đến ngày 5/7/2023 trên Thư viện số của Trường có hơn 10446 học liệu mở và 133 trang web học liệu mở toàn văn. Học liệu mở phát triển tại VINUNI đã giúp 193998 học viên trong học tập và tiết kiệm 18954999 $ cho học viên.

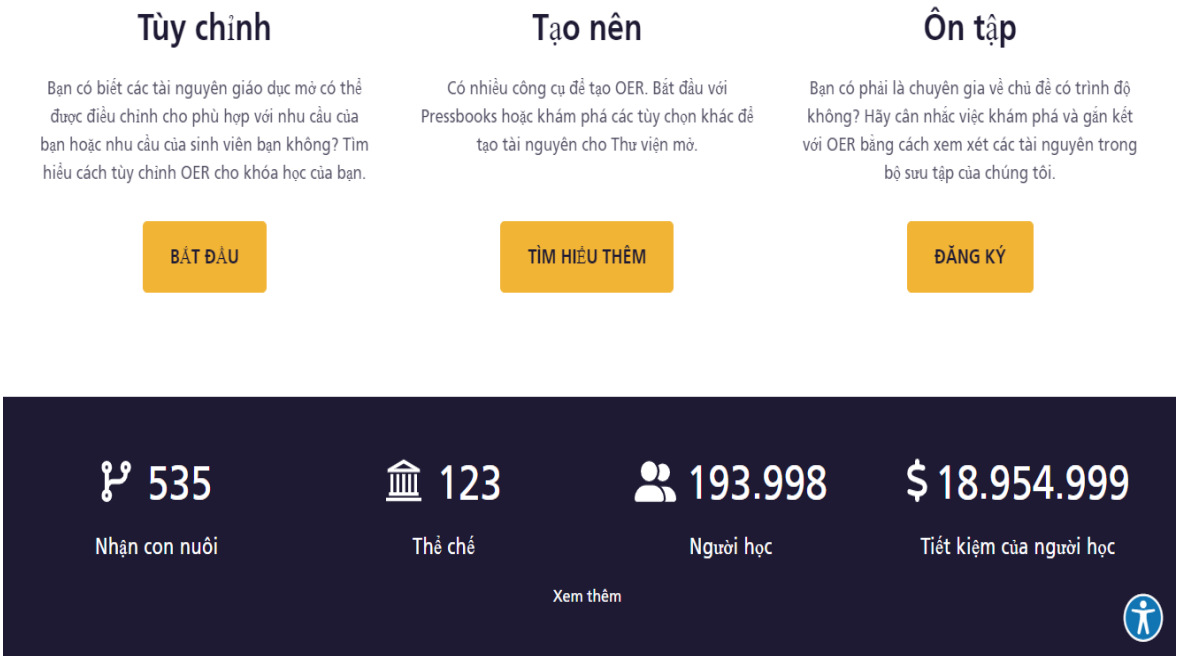

Hình ảnh 8: Thống kê lợi ích học liệu mở mang lại tại trường Đại học VINUNI

Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội với những nhận thức về lợi ích của học liệu mở đem lại của Phó giám đốc Thư viện Tạ Quang Bửu – Ths Nguyễn Thị Thu Thủy đã quyết định phát triển học liệu mở vào năm 2021. Qua một thời gian phát triển đến nay Thư viện Tạ Quang Bửu đã tổ chức học liệu mở thành một hệ thống. Tuy nhiên học liệu mở tại Thư viện Tạ Quang Bửu còn nhiều hạn chế, phần lớn những học liệu mở của Thư viện là những học liệu mở ngoại sinh được thu thập từ 14 trang web đã nêu ở phần 2.1.3. Học liệu mở tại Thư viện mới chưa đầy đủ các chuyên ngành đào tạo của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, một số chuyên ngành đào tạo hiện chưa có học liệu mở trên Thư viện cho sinh viên khai thác. Các trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Văn hóa Hà Nội do nhiều nguyên nhân như con người, kinh phí … nên chưa tổ chức được nguồn học liệu mở thành một hệ thống. Sự phát triển học liệu mở mạnh của trường Đại học RMIT và trường Đại học VINUNI phần lớn đến từ sự hợp tác, liên kết, chia sẻ của trường với các tổ chức giáo dục trong nước và quốc tế.

Từ những kết quả và phân tích trên tác giả nghiên cứu xin đề xuất một số giải pháp phát triển học liệu mở chung các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội.

3.2 Giải pháp con người

3.2.1 Thông tin phục vụ lãnh đạo

Lãnh đạo là người quyết định mọi hoạt động, xác định đường hướng phát triển của mỗi một đơn vị tổ chức. Do đó sự nghiên cứu của lãnh đạo trong mỗi một vấn đề, công việc là điều tối quan trọng. Để phát triển được nguồn học liệu mở cần có được sự quan tâm từ những người lãnh đạo tại mỗi trường Đại học. Một số nhà lãnh đạo tại các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội chưa có đầy đủ thông tin về học liệu mở. Do đó mà tại những trường Đại học đó chưa phát triển được nguồn học liệu mở có chất lượng để phục vụ cho sinh viên, giảng viên trong chính những trường Đại học ấy.

Để giúp lãnh đạo có đầy đủ thông tin về học liệu mở và quyết định phát triển nguồn học liệu mở cần phải có những phương pháp cung cấp tin khoa học về học liệu mở đến với lãnh đạo. Các cán bộ thông tin – thư viện tại các trường đại học cần thu thập thông tin, lập các báo cáo, trực quan hóa những lợi ích, vai trò của học liệu mở ở các trường Đại học trong nước và quốc tế tới lãnh đạo. Trong báo cáo cần thể hiện thực tiễn học liệu mở tại các trường Đại học trong nước và quốc tế, xu hướng phát triển của học liệu mở trong bối cảnh bùng nổ thông tin, ứng dụng thành tựu của cuộc cánh mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển của giáo dục mở trên phạm vi toàn cầu; sự chuyển đối số quốc gia, chuyển đổi giáo dục từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục tiên tiến trên phạm vi toàn cầu. Cán bộ thông – thư viện nên đề xuất tổ chức các buổi tọa đàm về học liệu mở giữa các trường Đại học và những chuyên gia nghiên cứu về học liệu mở trong nước và quốc tế. Từ những phân tích, đánh giá củ đó sẽ giúp cho lãnh đạo có những nhận thức đúng đắn, khách quan về học liệu mở và giáo dục mở để đưa ra những quyết định phát triển học liệu mở phù hợp với cơ sở của mình.

3.2.2 Năng lực của cán bộ thông tin – thư viện

Thư viện được coi là thiết chế văn hóa, là môi trường học tập thứ hai của sinh viên. Bởi vậy việc phát triển thư viện tại các trường là điều tất yếu. Để phát triển

thư viện, điều quan trọng là phát triển nguồn nhân lực hay nói cách khác là cán bộ thông tin – thư viện. Cán bộ thông tin – thư viện là người vận hành hoạt động của thư viện, là người đưa ra nhận xét, đánh giá, tìm ra những vấn đề thực tiễn của thư viện. Mà muồn khai thác hiệu quả nguồn học liệu mở; nguồn học liệu mở cần phải được quản lý và phát triển bởi thư viện. Vậy nên sự nghiên cứu của cán bộ thông tin – thư viện về học liệu mở sẽ ảnh hướng đến sự phát triển của học liệu mở tại các trường Đại học. Để cán bộ thông tin – thư viện dễ tiếp cận đến học liệu mở cần tổ chức các khóa đào tạo về học liệu mở, cách thu thập, xử lý, tổ chức và phổ biến học liệu mở sao cho khoa học và thuận tiện. Đồng thời cán bộ thông tin – thư viện cũng cần chủ động nghiên cứu để có đầy đủ thông tin về học liệu mở và thấy được sự tất yếu của phát triển học liệu mở tại trường Đại học trong bối cảnh hiện nay.

3.2.3 Năng lực sử dụng học liệu mở của người dạy và người học

Người giảng dạy và học tập là đối tượng phục vụ của học liệu mở. Tất cả học liệu mở đều cần phải được xây dựng, phát triển dựa trên những nội dung giảng dạy, học tập. Do đó để học liệu mở thực sự đem lại hiệu quả người sử dụng chúng cần hiểu về lợi ích, giá trị, hiệu quả mang lại của chúng. Để thúc đẩy sự nghiên cứu của người giảng dạy và học tập về học liệu mở, các trường cần phải chuyển đổi sang mô hình giáo dục mở, lấy người học làm trung tâm. Học viên cần phải chủ động nghiên cứu, tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn để đáp ứng được yêu cầu học tập. Người giảng dạy từ vị trí trung tâm trở thành người định hướng, hướng dẫn học viên trong nghiên cứu, lĩnh hội những kiến thức đồng thời giải đáp các khó khăn của học viên. Khi chuyển sang mô hình giáo dục mở như vậy cả người học và người giảng dạy đều phải luôn nghiên cứu, nâng cao trình độ bản thân. Từ đó sẽ tạo ra nhu cầu sử dụng học liệu mở và học liệu mở sẽ được phát triển. Đồng thời việc chuyển đổi sang mô hình giáo dục mở các trường Đại học nên đưa việc sử dụng học liệu mở vào thực hiện giảng dạy và tổ chức các buổi hội thảo, các khóa đào tạo về tạo lập, sử dụng và chia sẻ học liệu mở. Ngoài ra các trường Đại học cần đào tạo các kiến thức, kỹ năng thông tin cho sinh viên. OCW vô cùng đa dạng về nội dung do đó nếu không có những kiến thức, kỹ năng tìm tin tốt sẽ gặp khó khăn trong tìm kiếm và truy vấn thông tin. Vấn đề đào tạo này được nhiều thư viện các trường Đại học quan

tâm, các kỹ năng thông tin cần thiết như: kỹ năng khai thác thư viện, kỹ năng tìm tin, đánh giá thông tin, kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin … Nhìn chung kỹ năng thông tin của sinh viên các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội còn nhiều hạn chế, khó khó khi khai thác thông tin. Do đó các trường cần đẩy mạnh hơn sự đào tạo kỹ năng thông tin cho sinh viên qua các khóa đào tạo khai thác thư viện, các môn học kiến thức thông tin cơ bản …. Khi sinh viên có những ký năng này sẽ chủ động trong sự nhận diện nhu cầu tin và xác định những nguồn OCW phù hợp, tối ưu quá trình tìm tin.

3.3 Giải pháp về công nghệ

3.3.1 Giải pháp phần mềm quản trị học liệu mở

Xu hướng phát triển của học liệu mở khi ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu là phát triển theo hình thức học liệu số. Quản trị học liệu mở cần phải sử dụng các phần mềm quản trị học liệu mã nguồn mở. Các phần mềm mã nguồn mở có ưu thế sạch về bản quyền, dễ dàng tủy biến cho phù hợp với từng trường học, hầu hết đều miễn phí và dễ tiếp cận. Để quản trị học liệu mở có nhiều phần mềm quản trị dữ liệu nhưng có nhiều ưu điểm mở và phổ biến hiện nay trong quản trị dữ liệu số là phần mềm mã nguồn mở Dspace và phần mềm mã nguồn mở Vufind.

Phần mềm Dspace thích hợp cho việc quản trị các học liệu mở nội sinh của các trường Đại học, nhưng khi sử dụng phần mềm này để quản trị học liệu mở sẽ khó trong việc mở rộng, phát triển, liên kết học liệu giữa các trường Đại học.

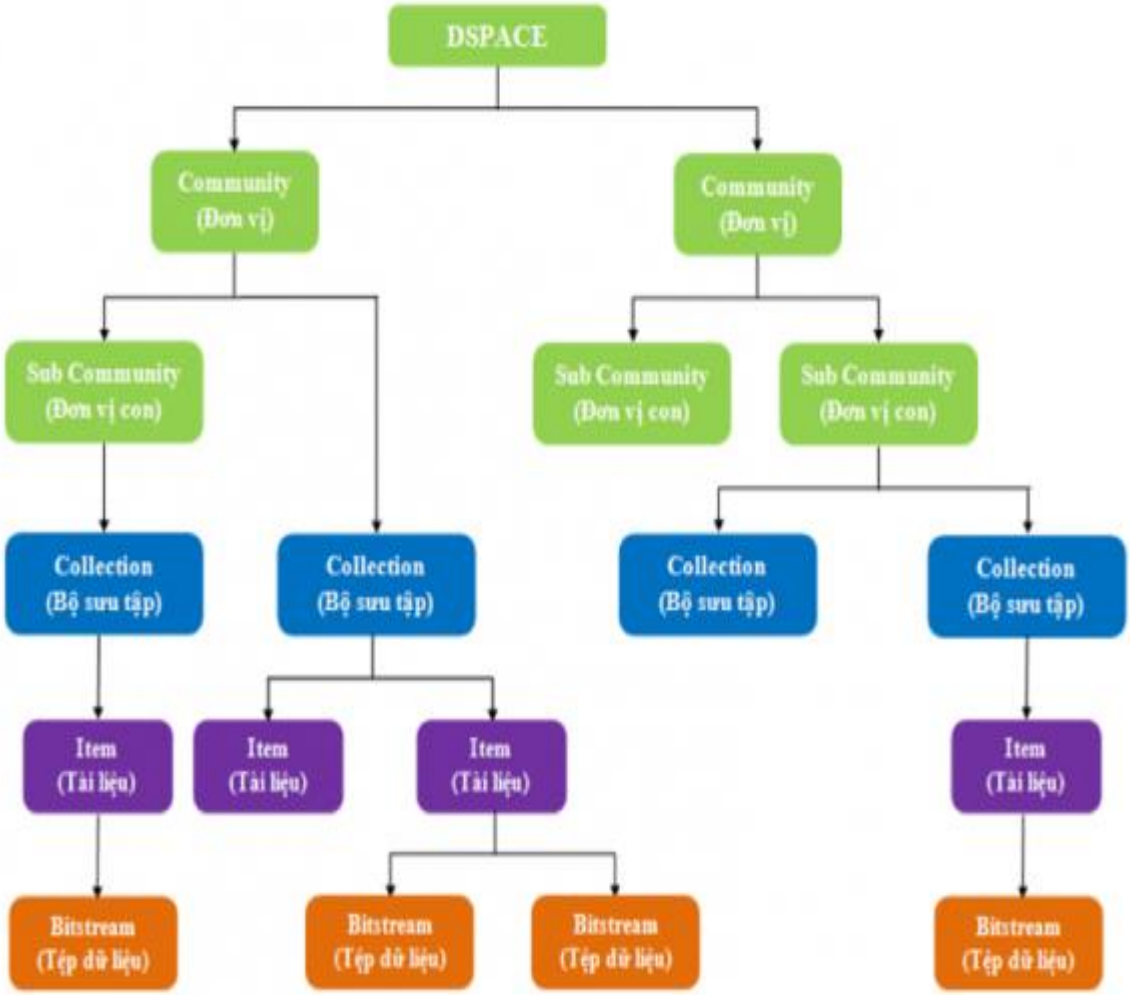

Hình ảnh 9: Hệ thống tổ chức của phần mềm mã nguồn mở DSPACE

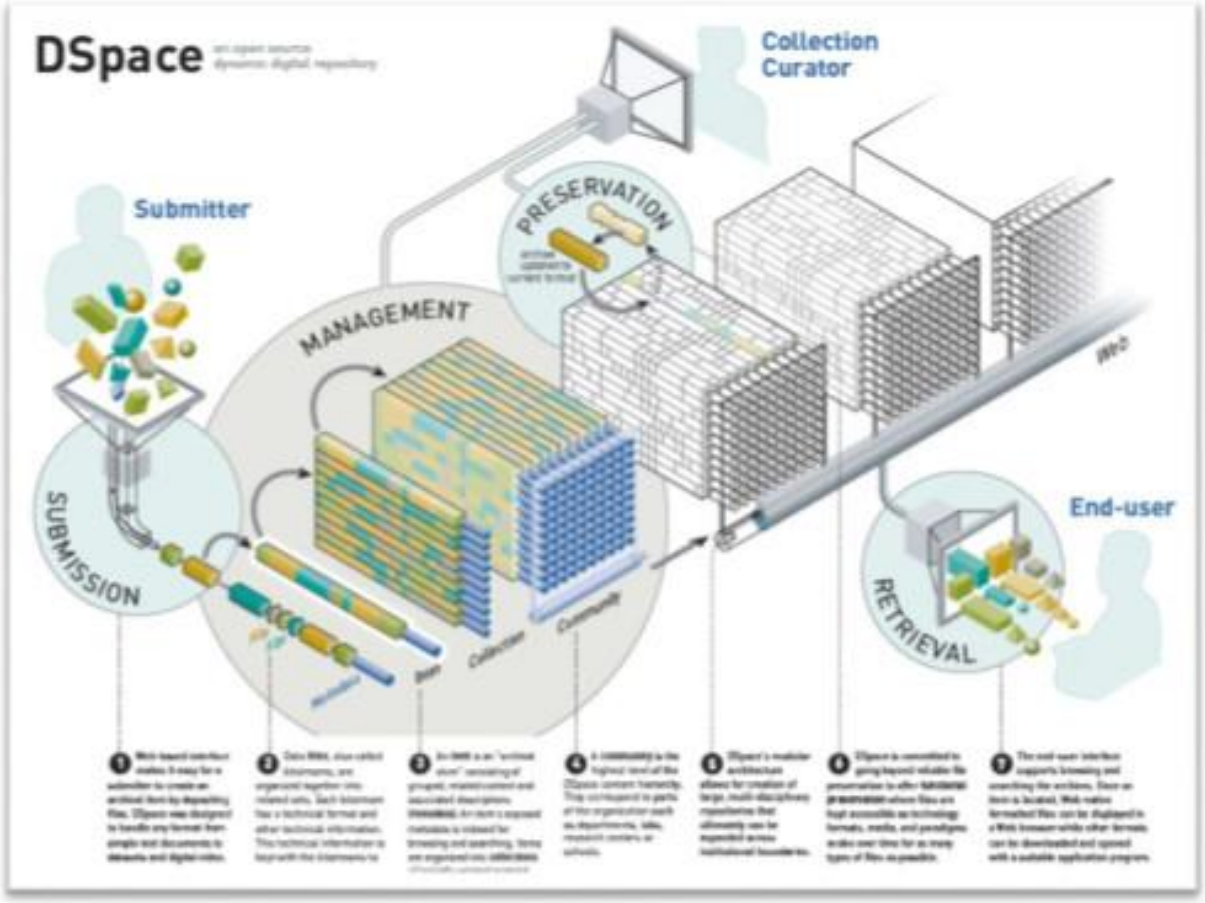

Hình ảnh 10: Cấu trúc của phần mềm DSPACE

Do đó để thuận tiện cho phát triển học liệu mở tại các trường Đại học cần phải sử dụng phần mềm tìm kiếm tập trung Vufind. Các trường Đại học khi ứng dụng Vufind vào quản trị học liệu mở có thể dễ dàng mở rộng cơ sở dữ liệu học liệu mở, liên kết các cở sở dữ liệu học liệu mở của nhiều tổ chức khác nhau, từ đó sẽ nguồn học liệu mở tại các trường Đại học sẽ trở nên phong phú, đa dạng và hiệu quả sử dụng cao hơn nhiều lần khi sử dụng phần mềm Dspace.

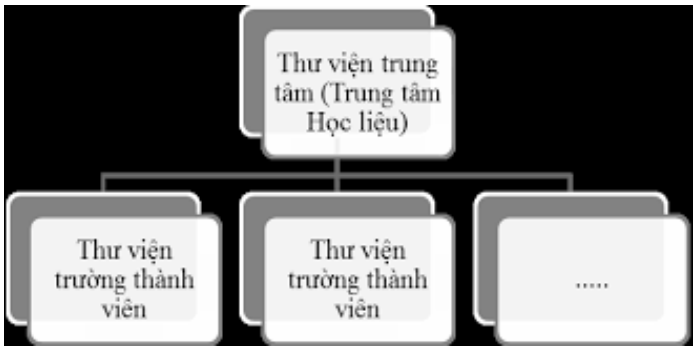

Hình ảnh 11: Mô hình tổ chức của phần mềm mã nguồn mở VUFIND

Mô hình triển khai

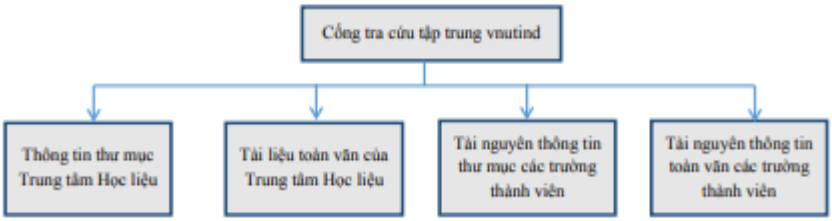

Hình ảnh 12: Mô hình triển khai của phần mềm mã nguồn mở VUFIDN

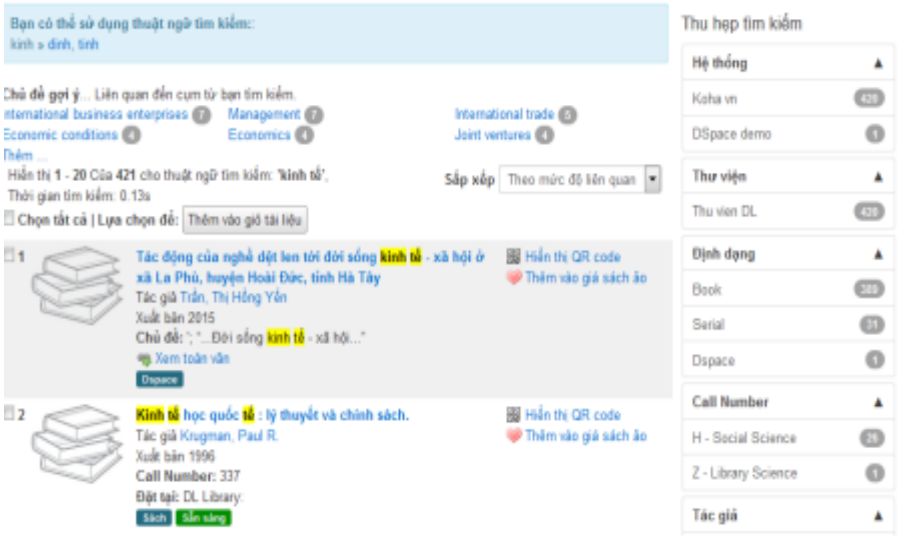

Hình ảnh 13: Minh họa kết quả tìm tin khi sử dụng phần mềm mã nguồn mở VUFIND

3.3.2 Các giải pháp công nghệ tạo lập học liệu mở

Học liệu mở cần được tạo lập bởi những phương tiện, kỹ thuật mở. Trên thế giới đã phát triển nhiều hệ điều hành mã nguồn mở như Fedora, Solus … được tạo lập dùng cho máy tính để bàn của các tổ chức với tính bảo mật cao. Do đó các hệ điều hành này gần như không tương thích được với những loại máy khác. Hệ điều hành Linux là một hệ điều hành được phát triển từ khoảng những năm 1991 dựa trên hệ điều hành Unix và viết bằng ngôn ngữ C, tương thích với hầu hết các loại máy tính cá nhân hay tổ chức. Linux hiện là một hệ điều hành mã nguồn mở đang được phát triển và sử dụng rộng rãi trên thế giới. Hệ điều hành này được hỗ trợ các ứng dụng mở như phần mềm soạn thảo văn bản LibreOffice, làm sách điện tử Write2ePub, chụp màn hình ScreenShot, soạn thảo âm thanh Audacity, soạn thảo ảnh GIMP, ghi lại màn hình Kazam, soạn thảo video OpenShot, …. Ngoài ra Linux

còn có những ưu điểm hơn so với các hệ điều hành khác trên thế thế giới. Linux có tính ổn định cao; khả năng bảo mật tốt khi được xây dựng dựa trên nền tảng Unix, chỉ có rootuser và quản trị mới có khả năng cấp quyền truy cập; khá linh hoạt với nhiều loại máy tính; tính chủ động cao khi người dùng có thể tư do tùy chỉnh các mã nguồn; miễn phí, đây là ưu điểm rõ thấy nhất so với các hệ điều hành còn lại. Khi các trường Đại học sử dụng hệ điều hành Linux để tạo lập học liệu mở sẽ có hiệu quả và chi phí tạo lập giảm xuống mức thấp nhất.

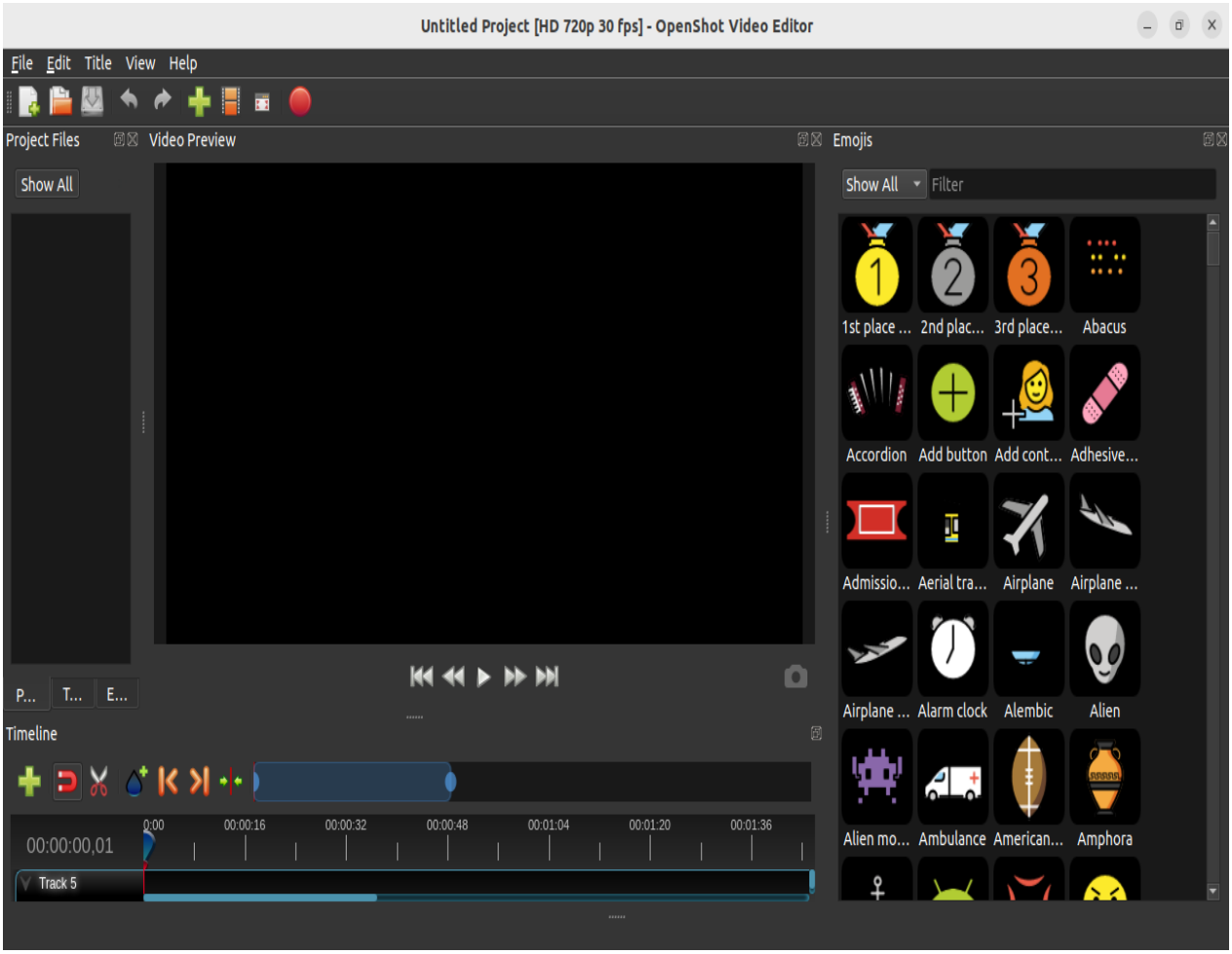

Hình ảnh 14: Phần mềm chỉnh sửa video OpenShot Video Editor

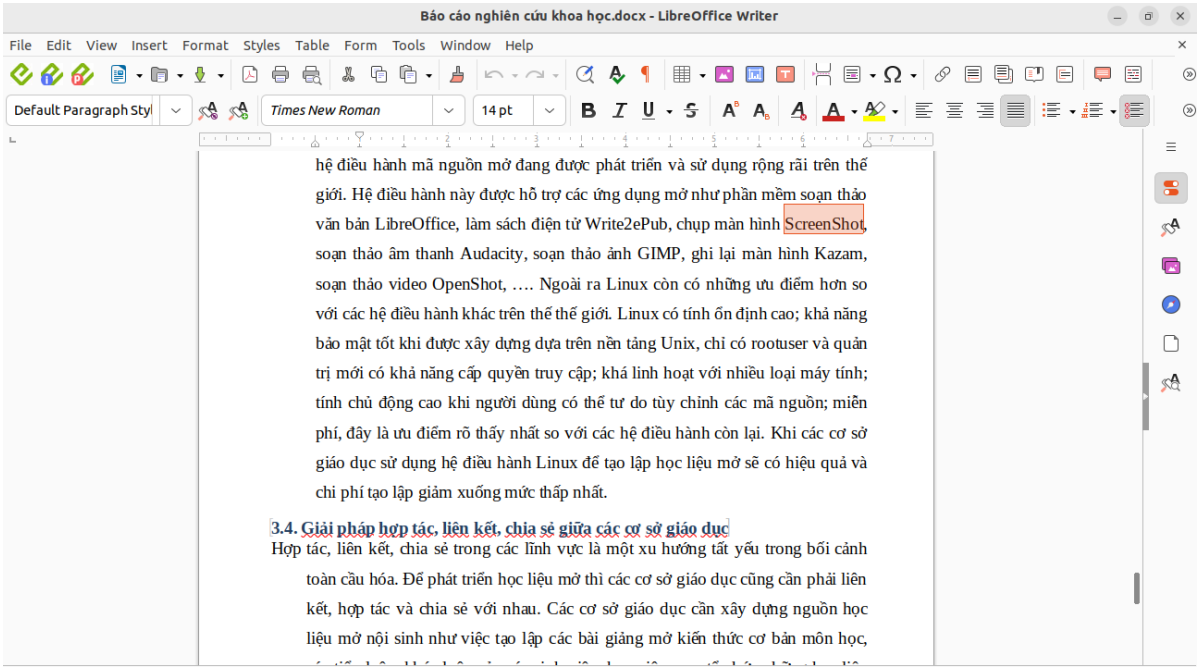

Hình ảnh 15: Phần mềm soạn thảo văn bản LIbreOffice Writer

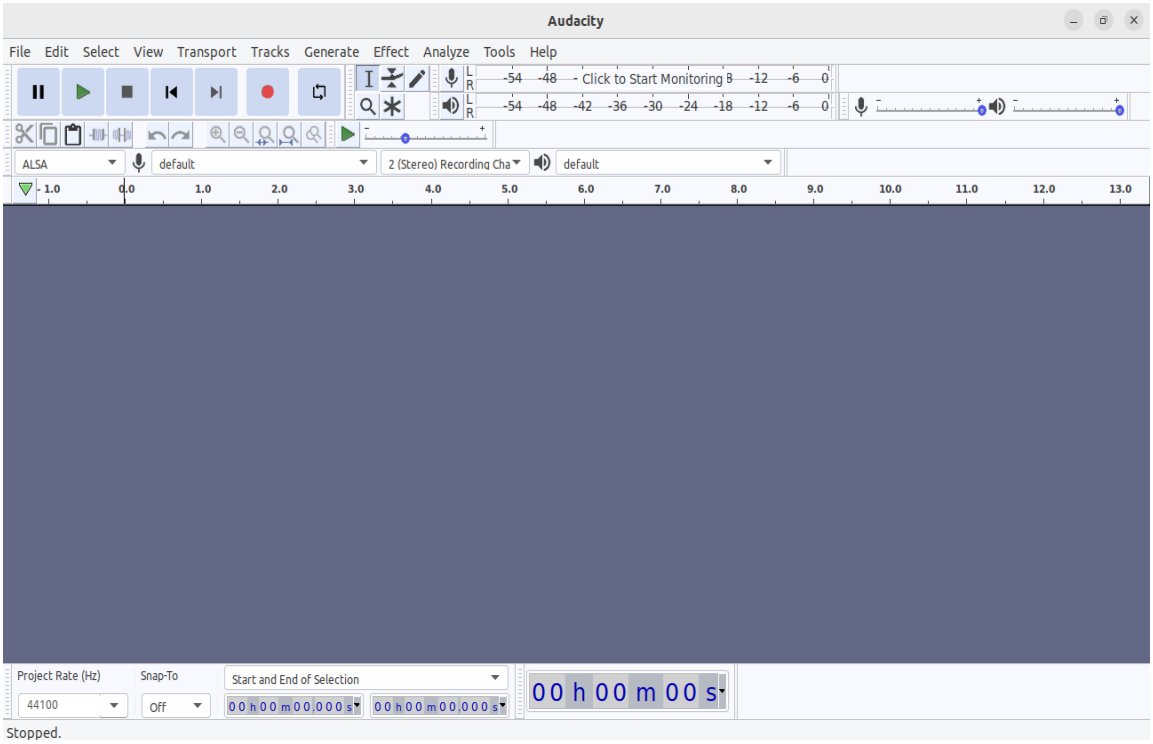

Hình ảnh 16: Phần mềm chỉnh sửa âm thanh Audacity

3.4 Giải pháp hợp tác, liên kết, chia sẻ giữa các trường Đại học

Hợp tác, liên kết, chia sẻ trong các lĩnh vực là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa. Hợp tác, chia sẻ giúp cá nhân, tổ chức giảm thiểu chi phí làm việc đến mức tối đa mà kết quả lại nâng cao, đa dạng, sát thực tiễn. Mọi lĩnh vực từ quân sự, kinh tế, luật pháp, môi trường …. đều cần hợp tác, chia sẻ của các cá nhân,

tổ chức trong một quốc gia hay giữa các quốc gia trong các mối quan hệ, vấn đề quốc tế. Trong lĩnh vực giáo dục cũng không nằm ngoài xu hướng đó, để phát triển học liệu mở các trường cũng cần phải liên kết, hợp tác và chia sẻ với nhau. Qua trao đổi với một cán bộ tại phòng hỗ trợ sinh viên của Trường Đại học Khoa học và Nhân văn có kinh nghiệm hơn 20 năm công tác trong lĩnh vực thông tin – thư viện. Cán bộ ấy cho rằng học liệu mở là miễn phí với mọi người nhưng quan trọng là học liệu mở vẫn cần phải có người tạo ra. Do đó để phát triển học liệu mở một cách hiệu quả các trường Đại học cần xây dựng nguồn học liệu mở nội sinh như việc tạo lập các bài giảng mở kiến thức cơ bản môn học, các tiểu luận, khóa luận của các sinh viên, học viên … đặc biệt là nguồn tin khoa học nội sinh.

Nguồn tin khoa học nội sinh phản ánh hoạt động khoa học của các trường Đại học thể hiện cả về chất lượng và số lượng sản phẩm khoa học đầu ra. Trong bối cảnh hội nhập cùng với chính sách khuyến khích công bố khoa học quốc tế, các hội thảo khoa học trong nước, hội thảo khoa học quốc tang cường chia sẻ bài báo, kỷ yếu, công trình nghiên cứu … Các trường đại học hiện nay đào tạo đa ngành đa lĩnh vực, thông qua hoạt động giảng dạy và nghiên cứu đã công bố nhiều công trình, ấn phẩm nghiên cứu bao phủ nhiều ngành nghề tạo nên nguồn tin khoa học nội sinh phong phú với số lượng lớn. Các trường Đại học có thể công bố nguồn tin khoa học nội sinh trên thư viện số, xây dựng chính sách cho bộ sưu tập như Thư viện số luận án mở của học viện công nghệ MIT (http://dspace.mit.edu/): “Các luận văn của MIT được bảo vệ bản quyền. Chúng có thể được xem từ nguồn này vì bất kỳ mục đích nào, nhưng việc sao chép hoặc phân phối dưới bất kỳ hình thức nào đều bị cấm nếu không có sự cho phép bằng văn bản.”

Các trường Đại học sau khi phát triển được cơ sở dữ liệu học liệu mở nội sinh sẽ liên kết, chia sẻ, hợp tác với cơ sở dữ liệu học liệu mở của các trường khác và các tổ chức học liệu mở trong nước và quốc tế. Từ đó sẽ khai thác được sự đóng góp học liệu của hệ thống các trường Đại học trong cùng một lĩnh vực, địa phương, quốc gia và quốc tế.

Hình ảnh 17: Bộ sưu tập học liệu mở nội sinh do nhóm nghiên cứu phát triển

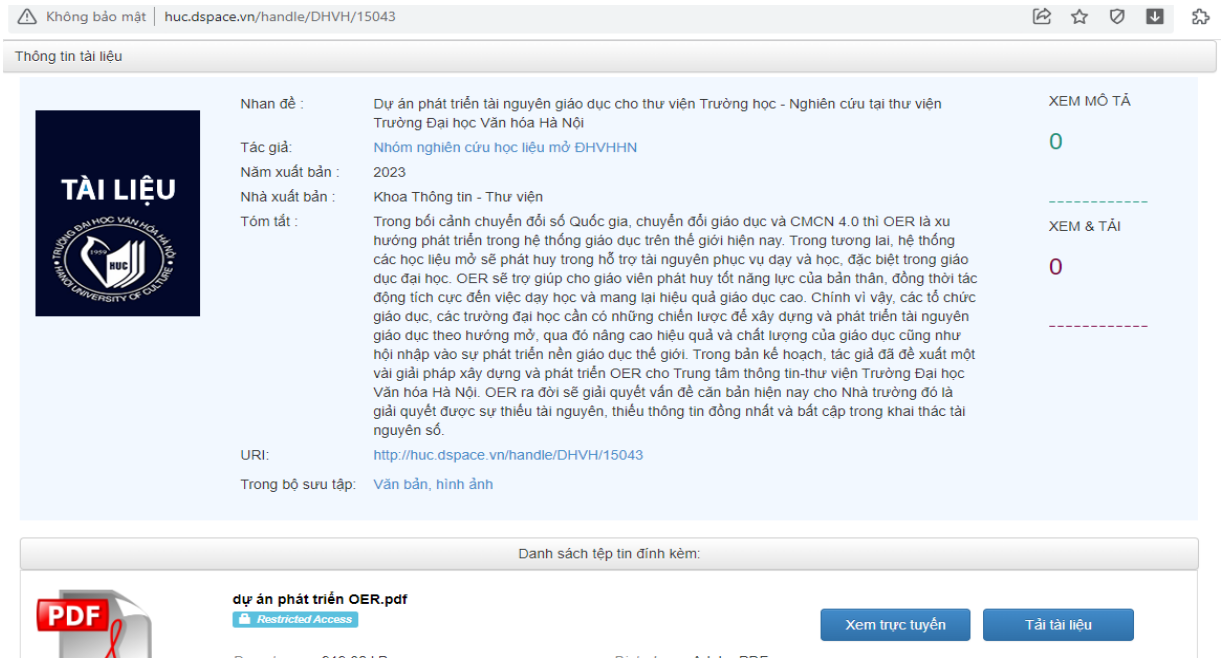

Hình ảnh 18: Học liệu mở nội sinh do nhóm nghiên cứu phát triển

3.5 Đề xuất phát triển học liệu mở tại khối các trường đại học trên địa bàn Hà Nội

Từ những giải pháp xây dựng và phát triển học liệu mở tại các trường Đại học tác giả nghiên cứu xin đề xuất kế hoạch phát triển học liệu mở tại khối các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội. Kế hoạch lấy Trung tâm Thông tin – Thư viện của các trường làm đầu mối phát triển và quản trị học liệu mở.

Chính sách phát triển học liệu mở của nhà Trường

Để phát triển học liệu mở hiệu quả, các trường cần xây dựng những chính sách thúc đẩy phát triển học liệu mở. Những chính sách ấy cần truyền thông về học liệu đến sinh viên và cán bộ giảng viên trong toàn trường qua các trang web thông tin của Trường. Các trường nên tổ chức các buổi tọa đàm, các cuộc thi tìm hiểu về học liệu mở cho sinh viên giảng viên. Đối với các cán bộ tại các Trung tâm Thông tin – Thư viện, các Trường cần tổ chức các khóa bồi dưỡng, đào tạo về học liệu mở. Các trường Đại học hợp tác với các trường có nguồn học liệu mở phát triển như Trường Đại học VIUNI, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học RMIT … và các trường có chung lĩnh vực đào tạo. Từ đó sẽ nâng cao trình độ, hiểu biết về học liệu mở cho các cán bộ Trung tâm Thông tin – Thư viện, đa dạng nội dung hình thức của nguồn học liệu mở trong các Trường.

Thành lập các nhóm phát triển học liệu mở tại các Khoa, chuyên ngành gồm sinh viên và giảng viên tại các trường Đại học

Các trường thành lập các nhóm phát triển học liệu mở trong mỗi khoa. Các nhóm này sẽ truyền thông học liệu mở trong khoa, hướng dẫn sinh viên, giảng viên tạo lập học liệu mở, khai thác và chia sẻ học liệu mở qua Trung tâm Thông tin – Thư viện trong trường.

Hạ tầng thiết bị để quản trị học liệu mở

Để quản trị học liệu mở hiệu quả cần trang bị hạ tầng ICT gồm:

+ Hạ tầng máy tính, phổ biến thế giới hiện nay vận hành theo mô hình Client – Sever tức là mô hình khách chủ gồm máy trạm và máy chủ.

Máy trạm: tùy theo quy mô Thư viện của các trường

Máy chủ: Đầu tư máy chủ mới là một giải pháp tốn kém mà để chưa chắc hoạt động ổn định. Ngày nay xu hướng trên thế giới và trong nước là thuê sử dụng máy chủ từ bên ngoài, vừa có thể giảm chi phí khi không phải đầu tư máy chủ mà sự hoạt động của các máy chủ chuyên dụng này thường rất ổn định. Do đó tác giả xin đề xuất các trường nên thuê sử dụng máy chủ từ bên ngoài.

+ Hệ thống mạng: Thư viện mới sẽ cần thiết lập các đường truyền tín hiệu mạng và các thiết bị mạng như Switch, Router …

+ Hệ thống phần mềm:

Để quản trị học liệu mở một cách hiệu quả, trong các phần mềm quản trị thông tin hiện nay Thư viện các trường nên phát triển học liệu mở với hình thức Thư viện số bằng phần mềm tìm kiếm tập trung để kết nối nhiều cơ sở dữ liệu với nhau nhằm giúp Thư viện xây dựng được nguồn học liệu mở phong phú qua liên kết, chia sẻ học liệu mở với các trường có chung lĩnh vực đào tạo.Phần mềm tìm kiếm tập trung cũng có nhiều nguồn cung cấp như Primo được cung cấp bởi tập đoàn Ex Libris của Isarel thông qua nhà phân phối tại Việt Nam: Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và thông tin kỹ thuật (TED), giải pháp này bao gồm các phân hệ Primo Central Index: Phân hệ dịch vụ chỉ mục tập trung tích hợp các nguồn tài nguyên thông tin điện tử, in ấn được cung cấp bởi các thư viện. Tuy nhiên phần mềm này có giá thành rất cao so với khả năng tài chính của trường. Do đó trong bài nghiên cứu này xin đề xuất sử dụng phần mềm mã nguồn mở Vufind là phần mềm mã nguồn mở phổ biến hiện nay được phát triển bởi trường đại học Villanova năm 2010 tại Hoa Kỳ cho phép người dùng tìm kiếm các nguồn tài liệu trên một giao diện duy nhất và vượt trội hơn nhiều lần giao diện cổ điển Opac và tối giảm chi phí.

Triển khai kế hoạch

1. Đào tạo cán bộ nhân viên thư viện

Cán bộ thư viện là người thực hiện quản trị các học liệu mở, các cán bộ nhân viên của Thư viện tại một số Trường Đại học trên địa bàn Hà Nội chưa có nhiều thông tin về vai trò, lợi ích, tính tất yếu phát triển của học liệu mở trong tương lai. Các trường cần tổ chức các khóa đào tào về học liệu mở cho cán bộ nhân viên của

Thư viện gồm các vấn đề thu thập, xử lý, tổ chức, phổ biến học liệu mở, các giấy phép CC, các phương pháp tạo lập, chia sẻ học liệu mở khoa học.

2. Trang bị hạ tầng ICT để quản trị OCW

3. Thu thập học liệu mở

Thư viện các trường nên thu thập học liệu mở từ sinh viên, cán bộ giảng viên trong trường và cộng đồng qua các trang web học liệu mở trong nước và quốc tế. Những học liệu mở đa dạng hình thức văn bản, video … được thu thập từ các nhóm sinh viên, giảng viên, đối tác của trường và những nguồn học liệu mở ngoại sinh trong nước và quốc tế. Các cá nhân sẽ đóng góp các học liệu mở của mình qua hình thức quản lý của Trung tâm Thông tin – Thư viện, sau đó Trung tâm Thông tin – Thư viện sẽ kiểm soát nội dung trong học liệu. Nếu phù hợp với Trường sẽ biên mục vào thư viện số. Để thu thập học liệu mở được hiệu quả cần thực hiện tổ chức các chương trình truyền thông về học liệu mở trang web của Trường, Thư viện, thành lập các nhóm tư vấn, hướng dẫn các sinh viên tạo lập học liệu mở.

4. Xử lý, tổ chức học liệu mở:

Các học liệu mở sẽ được xử lý, tổ chức theo chuẩn mô tả tài nguyên RDA và khổ mẫu biên mục Dublin Core để thuận tiện cho mở rộng, liên kết, chia sẻ học liệu mở và phù hợp với xu hướng của thế giới.

5. Phổ biến học liệu mở

Học liệu mở được phổ biến qua Thư viện số của Thư viện. Các chính sách phổ biến học liệu mở: cho phép người dùng có thể xem các bản tóm tắt, đầy đủ nội dung tài liệu và có thể tải liệu về để sử dụng lâu dài và chia sẻ với mọi người.

6. Đào tạo người dùng tin

Các nhóm phát triển học liệu mở tại các khoa sẽ tổ chức các buổi hướng dẫn sinh viên, giảng viên trong trường khai thác, chia sẻ học liệu mở qua Trung tâm Thông tin – Thư viện. Đồng thời các trường cần nâng cao khả năng sử dụng các tài liệu quốc tế, tổ chức các khóa đào tạo kiến thức thông tin, khai thác OCW của sinh viên và giảng viên trong trường.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số Quốc gia, chuyển đổi giáo dục và CMCN 4.0 học liệu mở là xu hướng phát triển trong hệ thống giáo dục trên thế giới hiện nay. Trong tương lai, hệ thống các học liệu mở sẽ phát huy trong hỗ trợ tài nguyên phục vụ dạy và học, đặc biệt trong giáo dục đại học. Học liệu mở sẽ trợ giúp cho giáo viên phát huy tốt năng lực của bản thân, đồng thời tác động tích cực đến việc dạy học và mang lại hiệu quả giáo dục cao. Chính vì vậy, các trường đại học cần có những chiến lược để xây dựng và phát triển học liệu mở phù hợp, qua đó nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục của khối các trường Đại học cũng như hội nhập vào sự phát triển nền giáo dục thế giới. Bài nghiên cứu đã phân tích những yếu tố thúc đẩy phát triển của học liệu mở trong bối cảnh bùng nổ thông tin, chuyển đổi số quốc gia, xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nêu ra những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển học liệu mở. Trong bài nghiên cứu cũng đã đề xuất một vài giải pháp xây dựng và phát triển học liệu mở cho các Trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Các giải pháp nhấn mạnh nâng cao thông tin về học liệu mở trong các Trường Đại học, các công nghệ cần được ứng dụng trong quản trị và tạo lập học liệu mở, sự cần thiết chia sẻ, hợp tác, liên kết giữa các trường trong phát triển học liệu mở. Học liệu mở ra đời sẽ giải quyết vấn đề căn bản hiện nay cho các trường Đại học là sự thiếu tài nguyên, thiếu thông tin đồng nhất và bất cập trong khai thác tài nguyên số.

Những kết quả trong bài nghiên cứu có thể áp dụng cho xây dựng, phát triển học liệu mở tại các trường Đại học trên cả nước. Từ đó sẽ hình thành một hệ sinh thái học liệu mở kết nối các trường Đại học và nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tiên tiến – đào tạo theo năng lực một cách hiệu quả. Bài nghiên cứu truyền tải thông tin về học liệu mở với bạn đọc, thúc đẩy phát triển học liệu mở tại Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2015), *Xây dựng nền tảng học liệu mở cho giáo dục Việt Nam,* Hội thảo khoa học quốc tế

https://vjol.info.vn/index.php/VJIAD/article/view/25297/21617

2. Trường Đại học Quang Trung (2017), *Xây dựng học liệu mở nội sinh dùng chung trong các thư viện đại học Việt Nam,* Hội thảo khoa học quốc gia

3. Trương Minh Hòa (2016), *Học liệu mở và vai trò của học liệu mở trong đào tạo ngành học thông tin-thư viện tại các trường đại học ở Việt Nam, Tạp chí Thông tin và Tư liệu*

https://vjol.info.vn/index.php/VJIAD/article/view/25791/22058

4. Nguyễn Huy Chương (2011), *Học liệu mở và hướng phát triển tài nguyên số tại các thư viện đại học Việt Nam*

5. Đỗ Văn Hùng (2015), *Tổng quan về học liệu mở và nhận dạng các yếu tố tác động đến việc xây dựng và chia sẻ học liệu mở trong các trường đại học Việt Nam*

6. Trương Bảo Đức (2018), *Việc sử dụng học liệu mở trong học tập và nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Văn hóa Hà Nội*

7. Lê Trung Nghĩa (2022), *Phân biệt tài nguyên giáo dục mở và kiến thức khoa học mở nằm trong phạm vi cộng đồng và hoặc được cấp phép mở để khai thác chúng hiệu quả trong việc dạy, học và nghiên cứu, Viện Đào tạo Mở và Công nghệ Thông tin, Đại học Huế, tr.120-135*

8. Đỗ Văn Hùng (2017), "*Tài nguyên giáo dục mở - yếu tố tích cực cho đổi mới giáo dục đại học và mục tiêu phát triển bền vững quốc gia*", *Tạp chí Thông tin và Tư liệu số (5), tr. 3 – 14.*

9. 749/QĐ-TTg (2020), *Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030*

10. Ngô Văn Tháp (2023), *Quản trị tài nguyên giáo dục mở và đề xuất trong quản trị tài nguyên giáo dục mở tại trường Đại học Văn hóa Hà Nội*, Hội thảo khoa học quốc tế, *Quản trị thông tin trong kỷ nguyên số*, tr. 670-687

11. Butcher, N. and Kanwar, A. (2015). A basic guide to open educational resources (OER). Paris: UNESCO and Commonwealth of Learning

12. UNESCO, (2021), *Khuyến nghị khoa học mở*

13. Creative Commons. (2015). About the licenses.

http:// creativecommons.org/licenses

14. Google Scholar, Microsoft Academic Graph (2021), Global information explosion

PHỤ LỤC

Bảng hỏi điều tra xã hội học về học liệu mở tại các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội

1. Trước khi trả lời bảng khảo sát này, thầy/cô, anh/chị đã biết về khái niệm hoặc về sự tồn tại của OCW (Open Course Ware) - HỌC LIỆU MỞ chưa?

- Lần đầu tiên nghe đến
- Tôi chưa từng tìm hiểu nên không biết đó là gì
- Có biết nhưng chưa quan tâm và tìm hiểu sâu
- Tôi có dùng và khuyến khích mọi người dùng

2. Thầy/cô, anh/chị đã sử dụng OCW (Open Course Ware) - HỌC LIỆU MỞ chưa?

- Tôi không biết đó là gì, nên chưa từng sử dụng
- Tôi sử dụng khá thường xuyên
- Thỉnh thoảng có sử dụng, không thường xuyên

3. Khi thầy/ cô, anh/chị sử dụng một nguồn học liệu bên ngoài, như hình, ảnh, đoạn văn, tài liệu ... Thầy/ cô, anh/chị có quan tâm tìm hiểu giấy phép bản quyền của nguồn học liệu đó hay không?

- Lấy tự do và sử dụng tự do
- Không quan tâm tới giấy phép hay bản quyền
- Chỉ dùng nếu được phép
- Cố gắng tìm hiểu nguồn gốc, giấy phép

4. Trước đó, thầy/cô, anh/chị đã từng nghe đến giấy phép CreativeCommons chưa?

- Tôi chưa bao giờ nghe đến
- Tôi có nghe đến nhưng không biết cụ thể đó là cái gì
- Tôi đã từng nghe đến
- Tôi có tầm hiểu biết về loại giấy phép này

5. Thầy/cô, anh/chị có sẵn sàng sử dụng OCW (Open Course Ware)- HỌC LIỆU MỞ trong làm việc, học tập, giảng dạy, nghiên cứu... của mình không?

- Tôi sẵn sàng sử dụng trong thời gian tới

- Tôi không sử dụng
- Tôi sử dụng thường xuyên

Kết quả phỏng vấn:

1. Phỏng vấn cán bộ Trần Thị Tuyến – phụ trách phát triển học liệu mở tại Thư viện Tạ Quang Bửu. A: người phỏng vấn, B: cán bộ được phỏng vấn

   A: Chào cô ạ. Em xin tự giới thiệu em là Vũ Đình Nghĩa, sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội ạ. Em đang thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học "Học liệu mở tại các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội". Hôm nay theo lịch hẹn đến để nghiên cứu về học liệu mở tại Trường mình ạ.

   B: Chào em, tên của cô là Trần Thị Tuyến – cán bộ của thư viện. Theo sự chỉ đạo thì hôm nay cô sẽ làm việc với em về học liệu mở tại Thư viện Tạ Quang Bửu.

   A: Dạ vâng. Cô cho em hỏi "Thư viện mình phát triển học liệu mở lâu chưa ạ".

   B: Học liệu mở của Thư viện Tạ Quang Bửu mới phát triển học liệu gần đây thôi em. Từ năm 2021, như em biết thì lúc đấy thời điểm dịch, tất cả sinh viên đều phải học online, sinh viên không thể đến thư viện để mượn tài liệu. Thư viện lúc đấy phải photo rồi gửi bưu điện cho sinh viên để học. Lúc đấy thì cô Thủy là giám đốc của Thư viện đã quyết định phát triển nguồn học liệu mở để giúp đỡ sinh viên có học liệu để học tập trong thời gian giãn cách. Sau dịch Thư viện vẫn tiếp tục phát triển học liệu mở như bây giờ.

   A: Dạ em muốn hỏi là học liệu mở của Thư viện thu thập từ nguồn nào thế ạ.

   B: Học liệu mở của Thư viện thu thập từ các giảng viên, sinh viên trong trường, các tổ chức hợp tác với Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và 14 trang web học liệu mở thể hiện trên Thư viện số em nhé.

   A: Dạ vâng, em cảm ơn cô dành thời gian trao đổi với em ạ. Em xin phép cô ạ.

   B: Không có gì em, chúc em hoàn thành bài nghiên cứu tốt nhá có gì cần giải đáp thì liên hệ qua Zalo của cô nhá.

   A: Dạ vâng ạ.

2. Phỏng vấn cán bộ phòng hỗ trợ sinh viên – Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. A: người phỏng vấn, B: cán bộ được phỏng vấn

   A: Chào cô ạ. Em xin tự giới thiệu em là Vũ Đình Nghĩa, sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội ạ. Em đang thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học "Học liệu mở tại các trường Đại học trên địa bàn Hà Nội". Hôm nay em đến để nghiên cứu về học liệu mở tại Trường mình ạ.

   B: Xin lỗi em, hiện tại thì Thư viện trường chưa phát triển học liệu mở. Nhưng với 20 năm kinh nghiệm cô sẽ hỗ trợ được cho em.

   A: Dạ vâng ạ.

   B: Như em biết thì học liệu mở hiểu đơn giản là dùng một cách miễn phí. Trước cô cũng đi tham gia một vài buổi hội thảo về học liệu mở. Cô thấy một điều quan trọng nhất, học liệu mở là miễn phí mọi người đều có thể sử dụng nhưng học liệu mở phải có người tạo ra nó chứ học liệu mở không tự nhiên có. Vậy thì tại sao người ta phải miễn phí thành quả của người ta cho cộng đồng đúng không. Như em làm nghiên cứu thì em phải được một điều gì đấy đúng không, có thể là kinh tế hay một cái gì khác … Do đó dẫn đến sự hợp tác, chia sẻ học liệu mở trong cộng đồng để thành một hệ sinh thái về học liệu mở. Em muốn tham gia vào hệ sinh thái đấy thì em phải đóng góp cho hệ sinh thái. Do đó mà các trường Đại học muốn phát triển học liệu mở, muốn sử dụng học liệu mở ngoại sinh thì trước tiên phải xây dựng nguồn học liệu mở nội sinh trước. Em dùng cái nguồn học liệu mở nội sinh đấy đóng góp vào hệ sinh thái rồi em mới có thể sử dụng học liệu mở từ các trường thành viên khác. Cô nghĩ đề tài của em rất hay, em có thể tìm hiểu thêm học liệu mở tại một số trường quốc nổi tiếng như RMIT, Đại học quốc gia SINGAPORE, Đại học Harvard của Mỹ … là những trường học liệu mở rất phát triển. Thậm chí ở Mỹ còn phát triển lên mức là khoa học mở. Đấy là những gì cô biết, em lên mạng em tìm hiểu thêm những điều cô nói để hoàn thành bài nghiên cứu của mình.

   A: Dạ vâng, em cảm ơn cô ạ.